

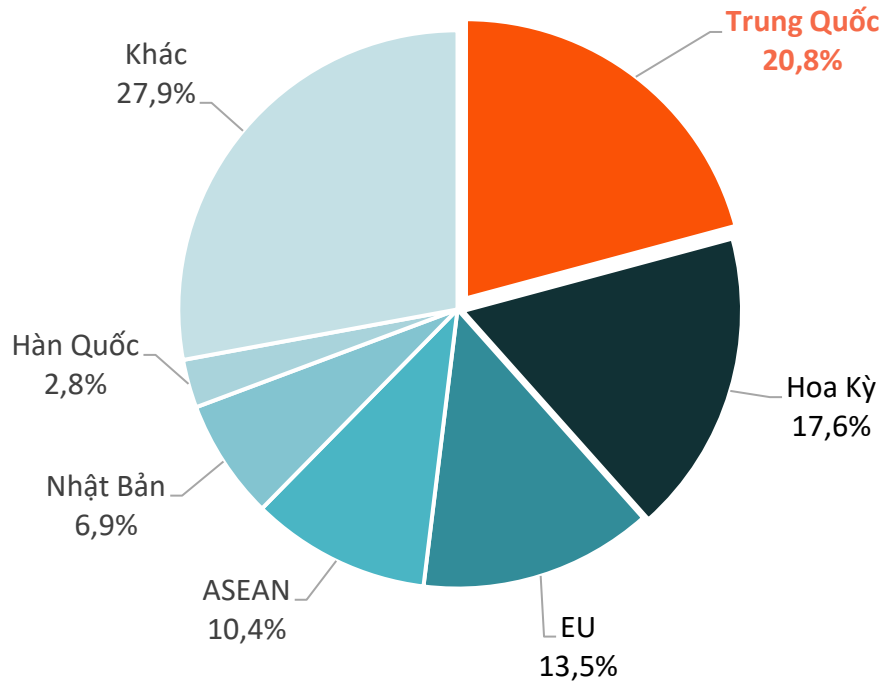
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC



TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THÁNG 2/2026

Tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Trung Quốc, T2/2026

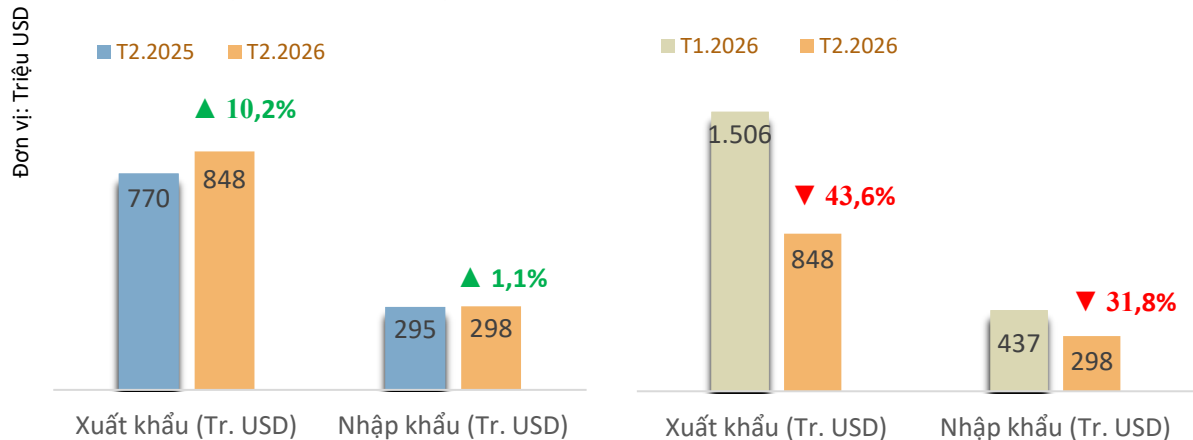


Biến động tỷ trọng xuất khẩu NLTS sang thị trường Trung Quốc T2/2026 so với T1/2026 và T2/2025

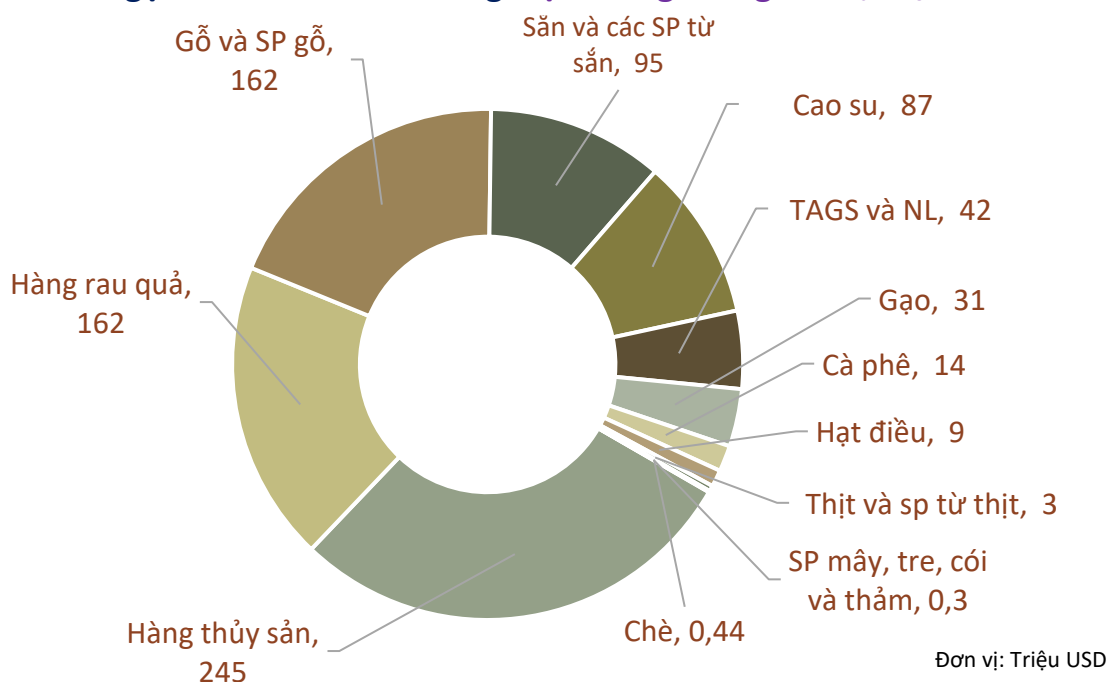
Thị trường	Giá trị (triệu USD)	So với T1/2026	So với T2/2025
Trung Quốc	848	▼ 2,1%	▲ 4,2%
Hoa Kỳ	717	▼ 1,1%	▼ 0,6%
EU	551	▲ 1,0%	▼ 0,6%
ASEAN	424	▲ 1,6%	▲ 0,5%
Nhật Bản	283	▼ 0,3%	▼ 0,9%
Hàn Quốc	114	▼ 0,2%	▼ 0,7%
Tổng XK	4.073		

TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THÁNG 2/2026

Kim ngạch xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – Trung Quốc, T2/2026



Kim ngạch XK NLTS chính sang thị trường Trung Quốc, T2/2026

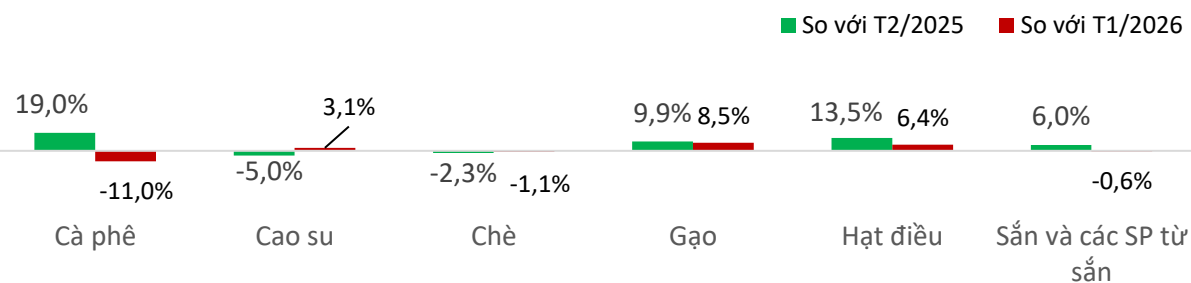


Biến động giá trị XK NLTS chính

sang thị trường Trung Quốc T2/2026 so với T1/2026



Biến động giá XK bình quân của một số sản phẩm NLTS chính sang thị trường Trung Quốc, T2/2026 so với T2/2025 và T1/2026



Trung Quốc đưa quy mô ngành IoT trên 506 tỷ USD năm 2028

Ngày 31/3, Trung Quốc đã công bố kế hoạch phát triển Internet vạn vật (IoT) giai đoạn 2026–2028, đặt mục tiêu mở rộng mạnh mẽ quy mô ngành. Theo đó, đến năm 2028, số lượng thiết bị kết nối IoT dự kiến đạt hàng chục tỷ, đồng thời quy mô ngành công nghiệp cốt lõi của IoT sẽ vượt 3.500 tỷ Nhân dân tệ (506 tỷ USD).

Kế hoạch đề ra 5 nhóm giải pháp thúc đẩy

IoT, gồm: nâng cấp thiết bị, cải thiện dịch vụ nền tảng, mở rộng ứng dụng, củng cố hạ tầng mạng và hoàn thiện hệ sinh thái. Trong đó, trọng tâm là nâng cấp thiết bị IoT với 3 nhiệm vụ: đột phá công nghệ cảm biến và tăng tự chủ; tối ưu thiết bị đầu cuối, tích hợp AI, 5G, điện toán biên; và nâng cao năng lực kết nối để đáp ứng quy mô lớn, độ trễ thấp, chống nhiễu cao.

Trung Quốc định hướng mở rộng IoT trong các lĩnh vực như sản xuất thông minh, giao thông vận tải, năng lượng,

nông nghiệp, y tế và đô thị thông minh. Các mô hình ứng dụng quy mô lớn sẽ được thúc đẩy nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tối ưu hóa vận hành trong nhiều ngành kinh tế - xã hội. Dự kiến, đến năm 2028 sẽ có thêm các công nghệ, sản phẩm và mô hình mới trong lĩnh vực IoT; năng lực đổi mới sáng tạo của ngành cũng sẽ được nâng lên rõ rệt.

Nguồn: Bnews.vn

Thanh toán bằng đồng Nhân dân tệ giữa Trung Quốc-ASEAN tăng mạnh

Trung Quốc đã thúc đẩy việc sử dụng đồng nội tệ trong thanh toán với nhiều nước Đông Nam Á. Theo Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC), khoảng 2.400 tỷ NDT (350 tỷ USD) đến từ thương mại hàng hóa và 900 tỷ NDT (130 tỷ USD) từ đầu tư trực tiếp.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động, giới chức Trung Quốc cho rằng việc mở rộng sử dụng NDT góp phần tăng cường ổn định tài chính khu vực. Về thương mại, kim ngạch trao đổi hàng hóa giữa Trung Quốc và ASEAN đã

vượt mốc 1.000 tỷ USD trong năm 2025.

Giới quan sát cho rằng việc tăng thanh toán bằng nội tệ giữa Trung Quốc và ASEAN thể hiện xu hướng đa dạng hóa tiền tệ, giúp giảm rủi ro tỷ giá và các tác động từ bên ngoài.



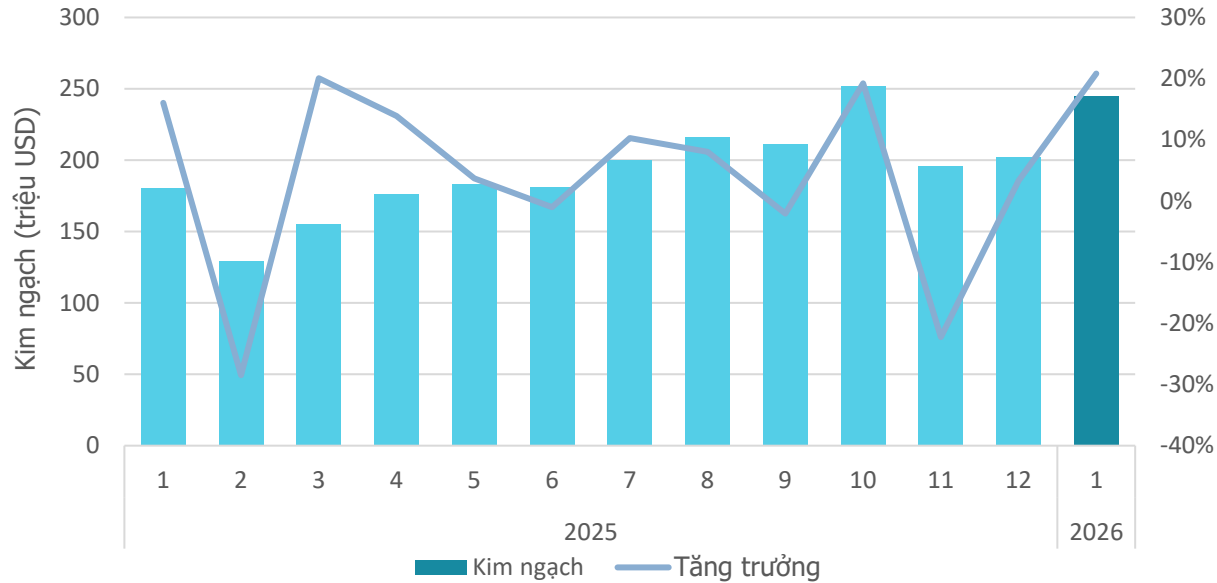
Nguồn: Bnews.vn





THỦY SẢN

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T2/2026

KIM NGẠCH

244,6 triệu USD



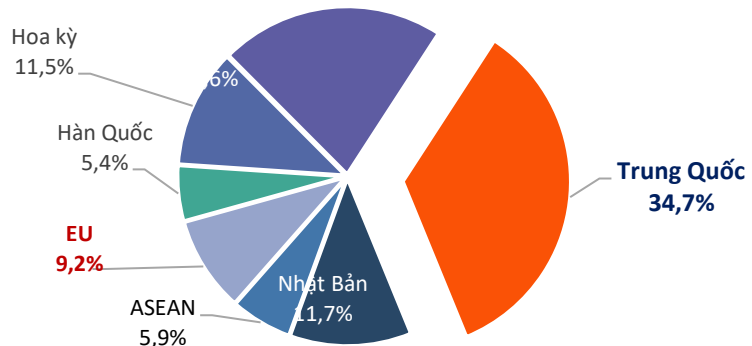
➔ Tăng **21,0%** so với T1/2026

➔ Tăng **35,5%** so với T2/2025

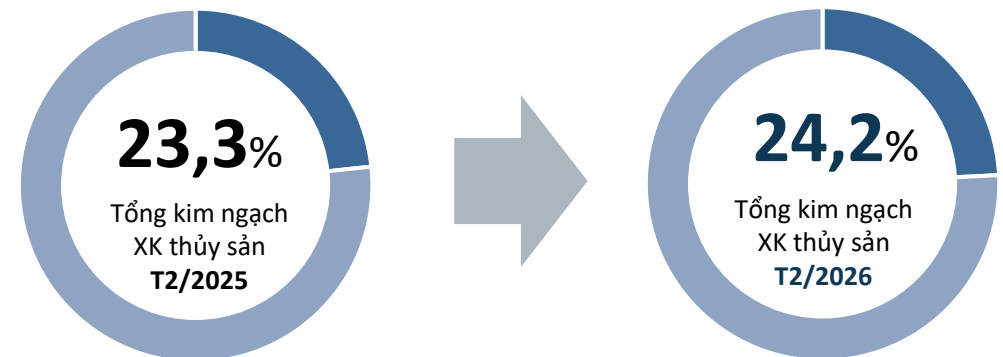
▲ Cao hơn **54,5** triệu USD so với bình quân năm 2025

❖ Lũy kế 2 tháng 2026 đạt **244,6** triệu USD, Đạt **10,7%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



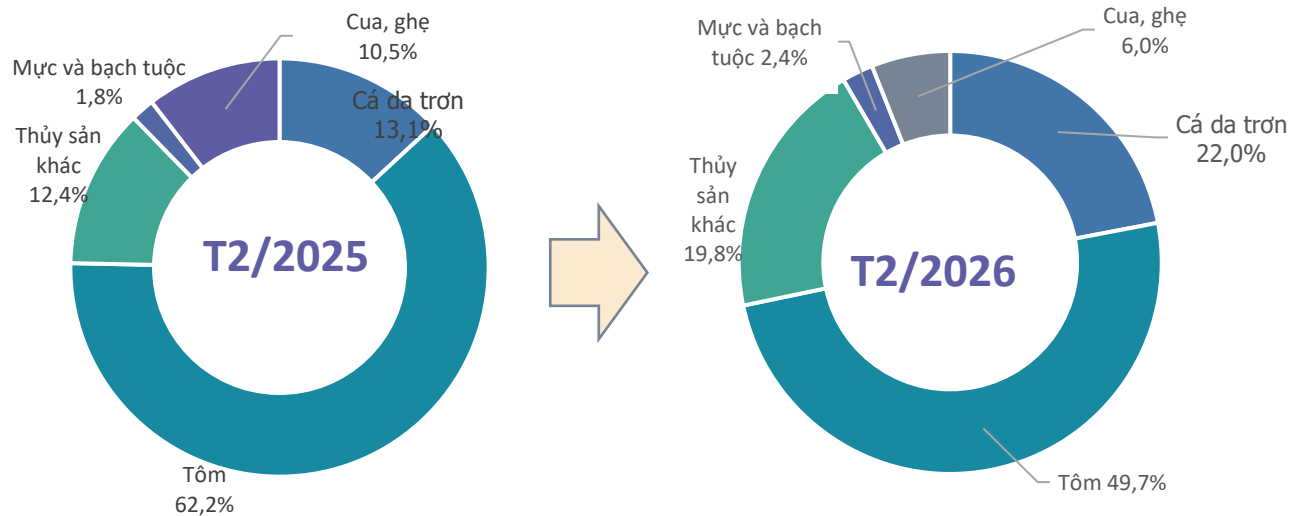
Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T2/2026





THỦY SẢN

Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



Cá da trơn

Kim ngạch: **53,8** Triệu USD
 Tăng **9,6%** so với T1/2026
 Tăng **127,1%** so với T2/2025



Tôm

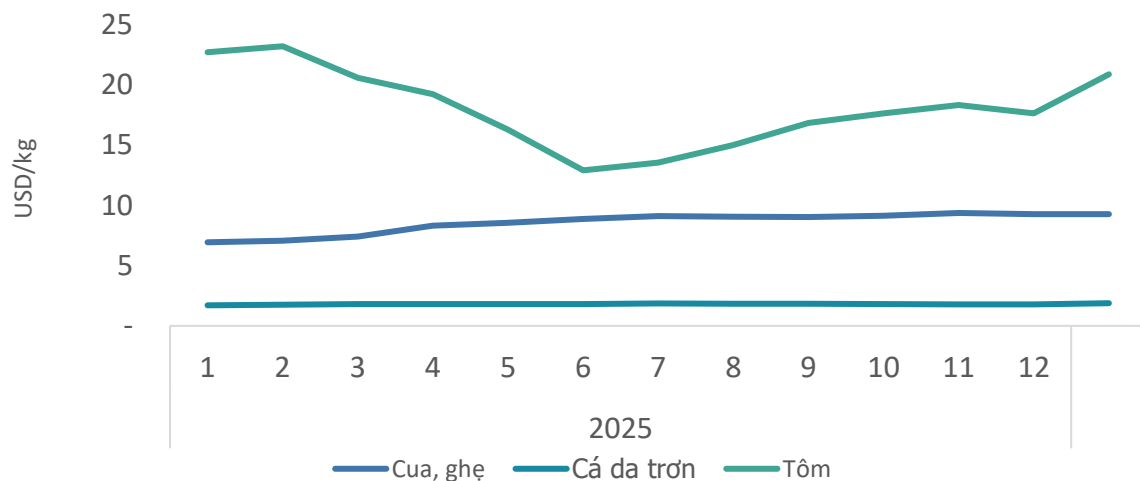
Kim ngạch: **121,6** Triệu USD
 Tăng **22,0%** so với T1/2026
 Tăng **8,4%** so với T2/2025



Cua, ghẹ

Kim ngạch: **14,8** Triệu USD
 Tăng **12,7%** so với T1/2026
 Giảm **21,9%** so với T2/2025

Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



Cua, ghẹ

Giá xuất khẩu bình quân trong T2/2026 ở mức **9,3** USD/kg; giảm **0,1%** so với tháng trước; và tăng **33,7%** so với cùng kỳ năm 2025.

Cá da trơn

Giá xuất khẩu bình quân trong T2/2026 ở mức **1,9** USD/kg; tăng **5,5%** so với tháng trước; và tăng **10,3%** so với cùng kỳ năm 2025.

Tôm

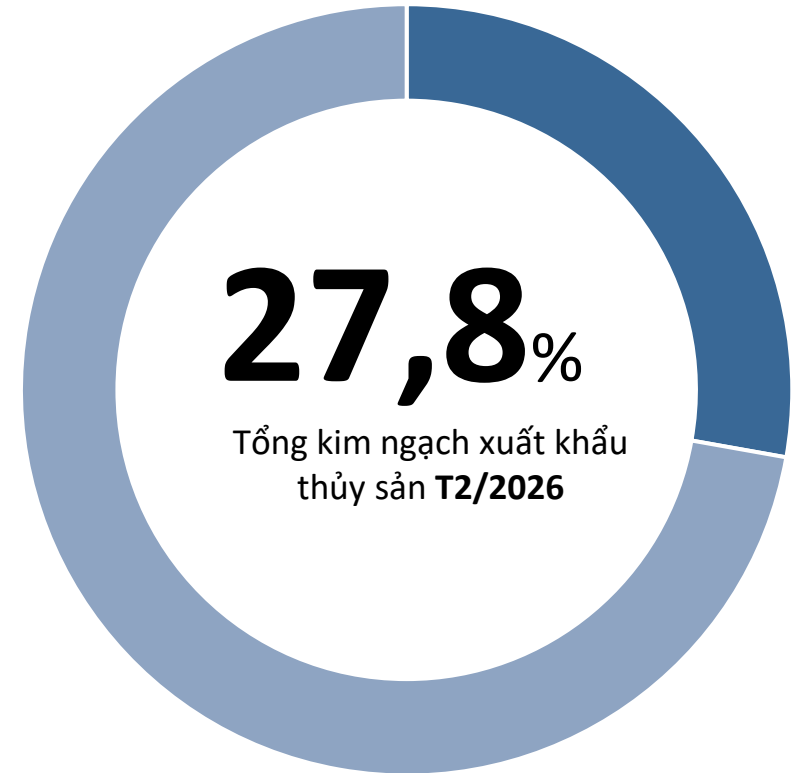
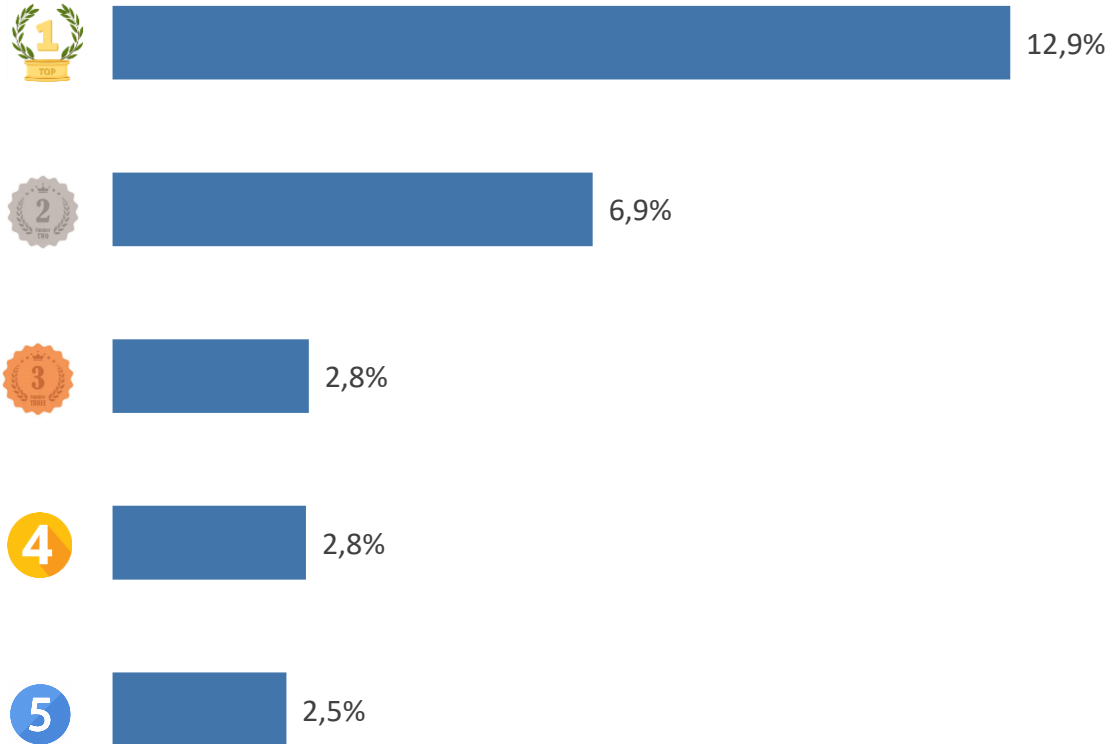
Giá xuất khẩu bình quân trong T2/2026 ở mức **20,9** USD/kg; tăng **18,4%** so với tháng trước; và giảm **8,0%** so với cùng kỳ năm 2025.



THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T2/2026

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



Trung Quốc đảo chiều cán cân thương mại thủy sản

Năm 2025, thương mại thủy sản Trung Quốc ghi nhận bước ngoặt lớn khi kim ngạch nhập khẩu lần đầu vượt xuất khẩu, đưa cán cân sang trạng thái thâm hụt sau nhiều năm duy trì thặng dư. Tăng trưởng nhập khẩu chủ yếu đến từ nhóm giáp xác và thủy sản giá trị cao.

Năm 2025, chi tiêu cho tôm, cua và tôm hùm đạt gần 9,7 tỷ USD, chiếm gần một nửa tổng kim ngạch nhập khẩu; riêng tôm đông lạnh đạt 4,8 tỷ USD, còn tôm hùm tăng mạnh lên 1,5 tỷ USD (71%). Nhập khẩu mực đông lạnh, mực nang, cá hồi và các loại cá thịt trắng như cá minh thái, cá tuyết cũng tăng mạnh, phản ánh nhu cầu tiêu dùng nội địa ngày càng lớn. Nhập khẩu cá và nhuyễn thể đạt 20,3 tỷ USD, tăng 11,6% so với năm trước, trong khi xuất khẩu chỉ đạt 19,5 tỷ USD.

Trong khi đó, dù sản lượng xuất khẩu tăng 7,8% lên 4,4 triệu tấn, kim ngạch lại giảm nhẹ 0,3% do áp lực giá và cạnh tranh gia tăng ở phân khúc các sản phẩm chế biến sâu. Xu hướng này cho thấy Trung Quốc đang chuyển dần từ trung tâm chế biến xuất khẩu sang thị trường tiêu thụ ròng trong chuỗi cung ứng thủy sản toàn cầu.



Nguồn: Vasep



Tin liên quan



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang Trung Quốc, T2/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T2/2026

KIM NGẠCH



162,2

triệu USD

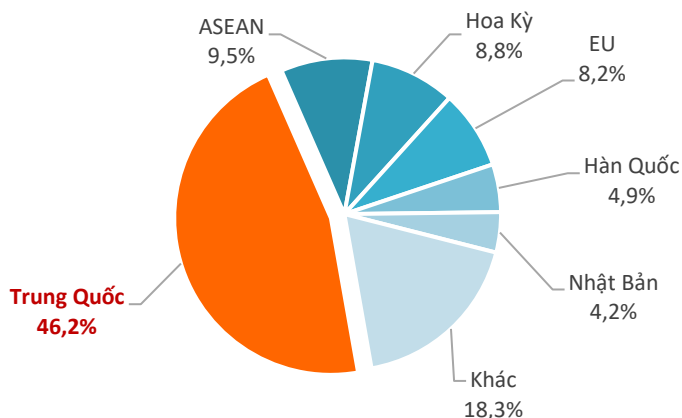
Giảm **56,8%** so với T1/2026

Tăng **22,0%** so với T2/2025

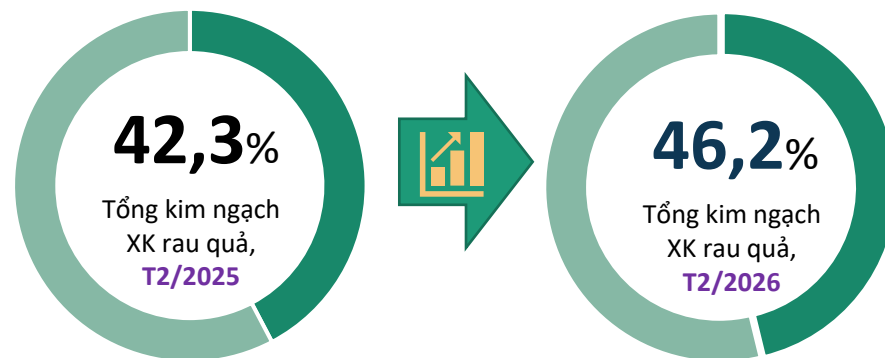
Thấp hơn **296,3 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 2 tháng năm 2026 đạt **539,0** triệu USD, đạt **9,8%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam XK sang Trung Quốc, T2/2026



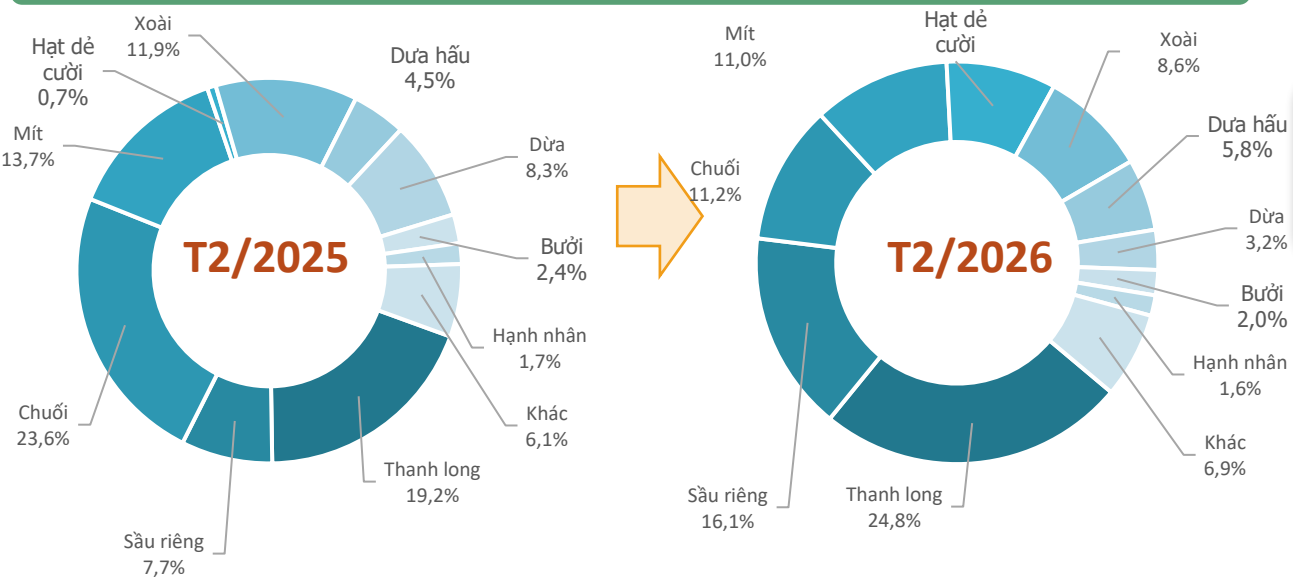
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN sang Trung Quốc, T2/2026





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả XK sang Trung Quốc, T2/2026



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T2/2026



Thanh long

Kim ngạch: **40,2** triệu USD
 Tăng **62,2%** so với T1/2026
 Tăng **57,5%** so với T2/2025



Sầu riêng

Kim ngạch: **26,0** triệu USD
 Giảm **74,0%** so với T1/2026
 Tăng **155,4%** so với T2/2025



Chuối

Kim ngạch: **18,2** triệu USD
 Giảm **3,2%** so với T1/2026
 Giảm **42,2%** so với T2/2025



Mít

Kim ngạch: **17,9** triệu USD
 Giảm **39,2%** so với T1/2026
 Giảm **1,9%** so với T2/2025



Hạt dẻ cười

Kim ngạch: **14,3** triệu USD
 Giảm **86,3%** so với T1/2026
 Cao gấp **14,8 lần** so với T2/2025



Xoài

Kim ngạch: **13,9** triệu USD
 Tăng **8,7%** so với T1/2026
 Giảm **11,9%** so với T2/2025



Dứa hấu

Kim ngạch: **9,4** triệu USD
 Tăng **55,0%** so với T1/2026
 Tăng **55,5%** so với T2/2025



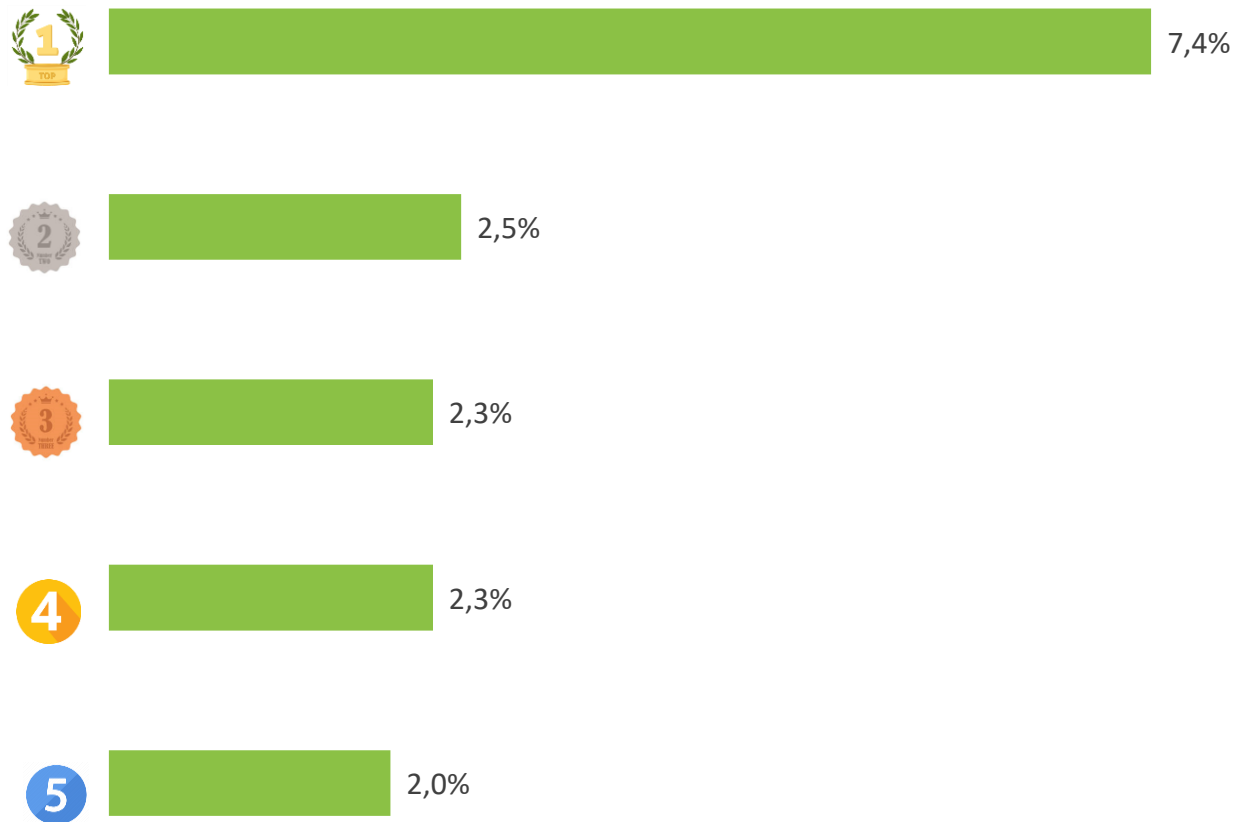
Dừa

Kim ngạch: **5,2** triệu USD
 Giảm **34,9%** so với T1/2026
 Giảm **52,9%** so với T2/2025

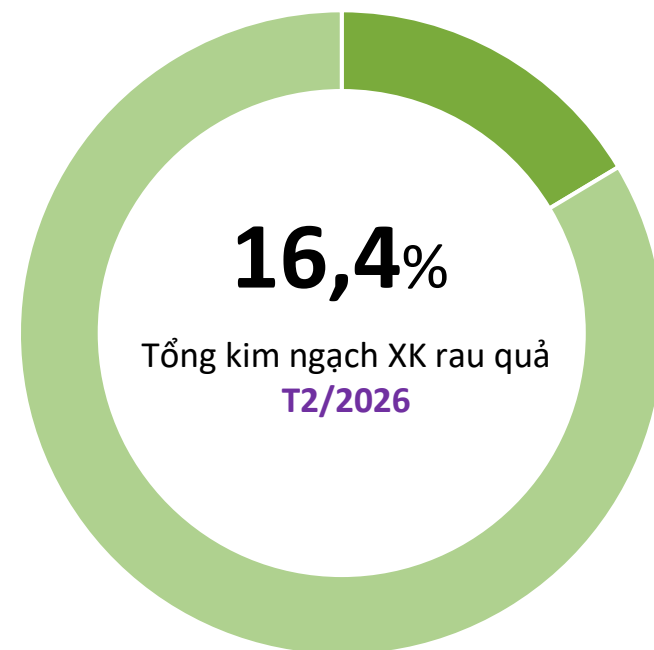


RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu
sang Trung Quốc, T2/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu
sang Trung Quốc, T2/2026





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T2/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T2/2026

KIM NGẠCH



101,1

triệu USD

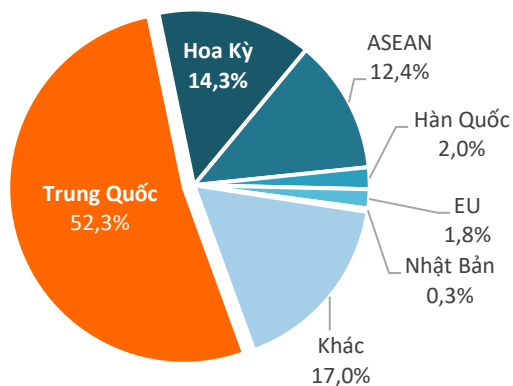
Giảm **10,8%** so với T1/2026

Tăng **59,0%** so với T2/2025

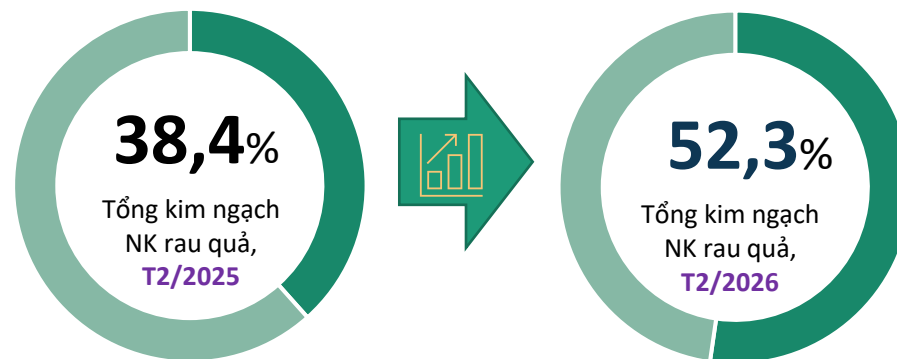
Cao hơn **16,2 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 2 tháng năm 2026 đạt **214,5** triệu USD, đạt **21,0%** kim ngạch 2025

Tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T2/2026



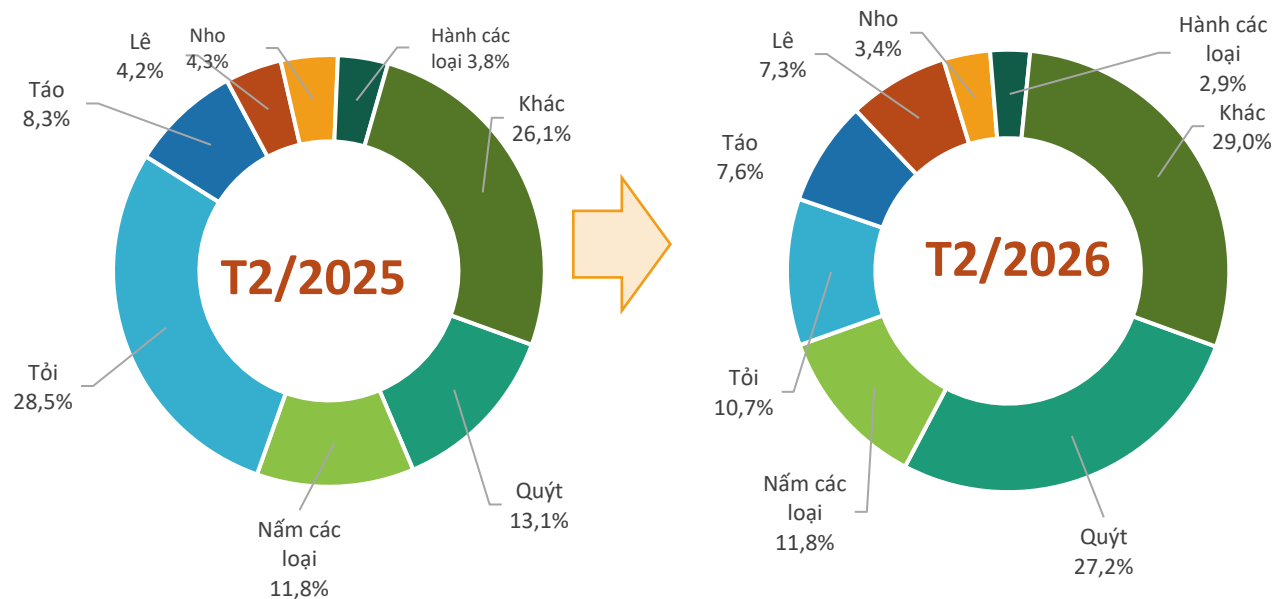
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T2/2026





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ Trung Quốc, T2/2026



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T2/2026



Quýt

Kim ngạch: **27,5** triệu USD
 Tăng **68,7%** so với T1/2026
 Tăng **230,5%** so với T2/2025



Nấm các loại

Kim ngạch: **12,0** triệu USD
 Giảm **12,9%** so với T1/2026
 Tăng **59,8%** so với T2/2025



Tỏi

Kim ngạch: **10,8** triệu USD
 Tăng **13,0%** so với T1/2026
 Giảm **40,2%** so với T2/2025



Táo

Kim ngạch: **7,7** triệu USD
 Giảm **23,3%** so với T1/2026
 Tăng **47,2%** so với T2/2025



Lê

Kim ngạch: **7,4** triệu USD
 Tăng **18,6%** so với T1/2026
 Tăng **174,7%** so với T2/2025



Nho

Kim ngạch: **3,5** triệu USD
 Giảm **53,4%** so với T1/2026
 Tăng **28,1%** so với T2/2025



Hành các loại

Kim ngạch: **2,9** triệu USD
 Giảm **38,5%** so với T1/2026
 Tăng **23,0%** so với T2/2025

Trung Quốc vẫn duy trì vị thế là nước tiêu thụ sầu riêng Việt Nam nhiều nhất

Trong quý I/2026, giá trị xuất khẩu rau quả ước đạt 1,48 tỷ USD, tăng 27% so với cùng kỳ năm trước. Sầu riêng tiếp tục là điểm sáng nổi bật, với kim ngạch 135 triệu USD trong 2 tháng đầu năm 2026, tăng 398% so với cùng kỳ năm trước và chiếm hơn 92% tổng xuất khẩu sầu riêng của Việt Nam.

Theo ông Đặng Phúc Nguyên, Tổng thư ký Hiệp hội Rau quả Việt Nam, sầu riêng Việt Nam đang có nhiều lợi thế để vượt qua sầu riêng Thái Lan tại thị trường Trung Quốc trong năm nay. Xung đột biên giới Thái Lan – Campuchia khiến nguồn lao động tại các nông trại và cơ sở đóng gói sầu riêng ở Thái Lan sụt giảm mạnh. Ngoài ra, vận chuyển đường bộ từ Thái Lan sang Trung Quốc phải đi vòng qua Lào khiến chi phí, thời gian bảo quản và áp lực quay vòng container lạnh tăng lên.

Ngược lại, sầu riêng Việt Nam đang có lợi thế lớn về logistics, khi khoảng cách vận chuyển ngắn hơn giúp giảm chi phí và thời gian quá cảnh. Số lượng mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói sầu riêng được Trung Quốc phê duyệt cũng đã mở rộng (khoảng 1.200 mã số vùng trồng và 180 cơ sở đóng gói). Giới phân tích tin rằng nếu Việt Nam duy trì được chất lượng và đáp ứng tốt các quy định của Trung Quốc, kim ngạch xuất khẩu sầu riêng năm 2026 của Việt Nam hoàn toàn có thể vượt 4 tỷ USD.

Nguồn: Baodautu.vn



Tin liên quan

Trung Quốc nhập khẩu 9,032 triệu tấn trái cây năm 2025

Theo Phòng Thương mại Xuất nhập khẩu Thực phẩm, Sản phẩm bản địa và Phụ phẩm động vật Trung Quốc, năm 2025, nước này nhập khẩu 9,032 triệu tấn trái cây, giá trị đạt 18,94 tỷ USD, tăng 17,5% về khối lượng và tăng 6,7% về giá trị và so với năm 2024. Tính chung trong 10 năm qua, tốc độ tăng trưởng hàng năm về nhập khẩu trái cây của Trung Quốc đạt 15,2% về giá trị và 9,7% về khối lượng. Trong 8 loại trái cây có kim ngạch nhập khẩu lớn nhất của Trung Quốc năm 2025, Việt Nam là nhà cung cấp hàng đầu ở 4 loại gồm sầu riêng (đứng thứ 2 về kim ngạch sau Thái Lan nhưng đứng đầu về lượng), chuối (đứng thứ 2), dứa non (đứng thứ 3), nhãn (đứng thứ 3).

Nguồn: Nongnghiepmoitruong.vn

Vải thiều chín sớm tại Hải Nam vào vụ thu hoạch từ tháng 3

Các giống vải thiều siêu sớm tại Hải Nam bắt đầu được thu hoạch và đưa ra thị trường từ tháng 3. Sản lượng vải cả Trung Quốc năm 2026 dự kiến chỉ đạt khoảng 70% so với năm trước do ảnh hưởng thời tiết và sâu bệnh tại Quảng Đông, sản lượng vải Hải Nam lại tăng nhẹ so với năm 2025 (khoảng 230.000 tấn), nhờ điều kiện khí hậu thuận lợi và kỹ thuật canh tác cải thiện. Điều này làm nổi bật vai trò của Hải Nam như vùng cung cấp vải sớm quan trọng

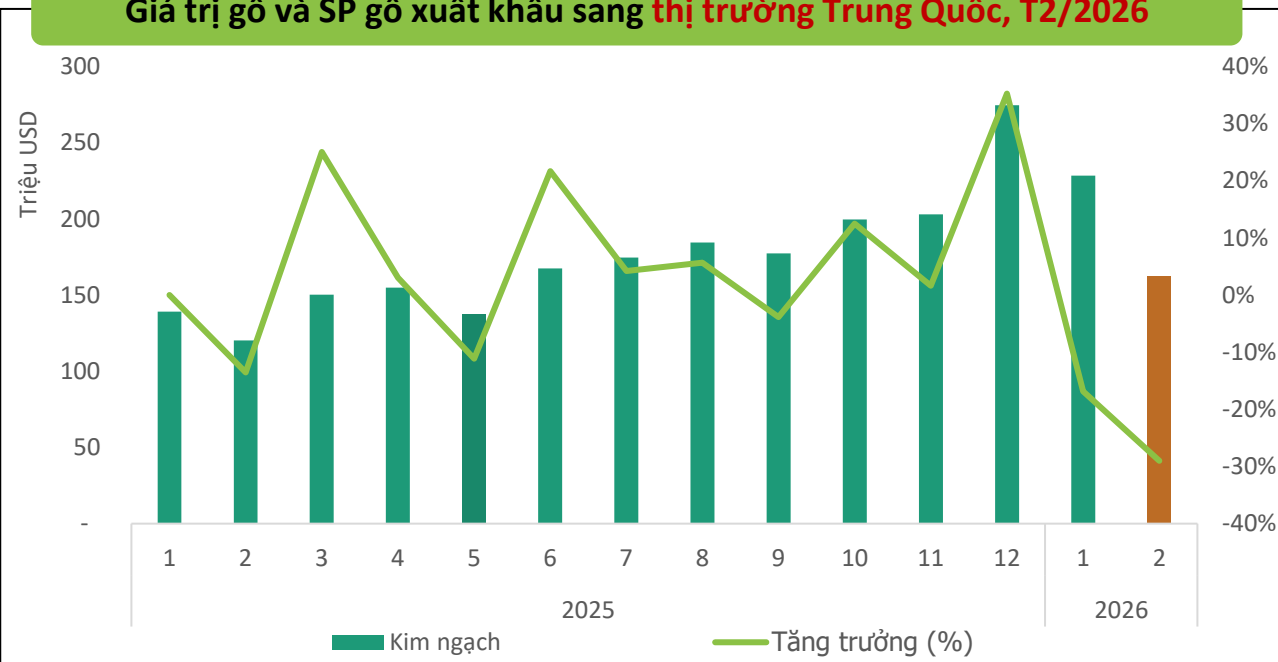
Nguồn: Fructidor.com





GỠ VÀ SP GỠ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T2/2026

KIM NGẠCH



162

triệu USD

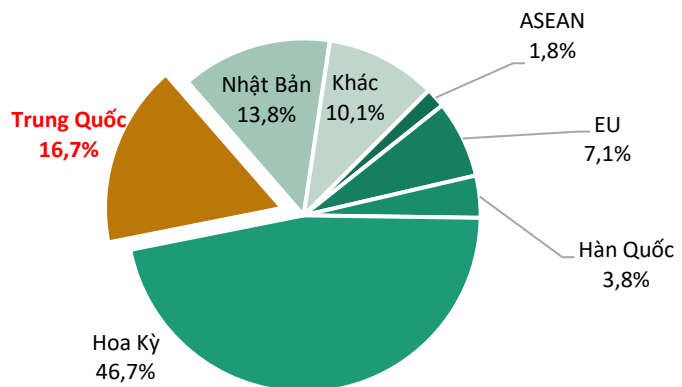
↘ Giảm **29,0%** so với T1/2026

↗ Tăng **34,9%** so với T2/2025

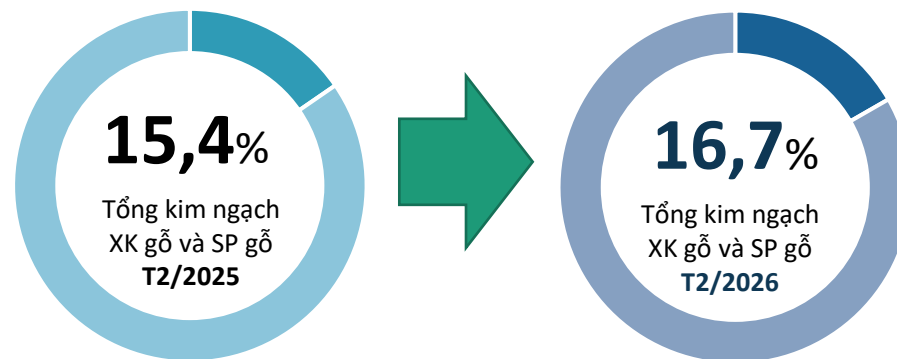
↘ Thấp hơn **11,5 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 2 tháng đầu năm 2026 đạt **390,6** triệu USD, đạt **18,7%** kim ngạch năm 2025

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



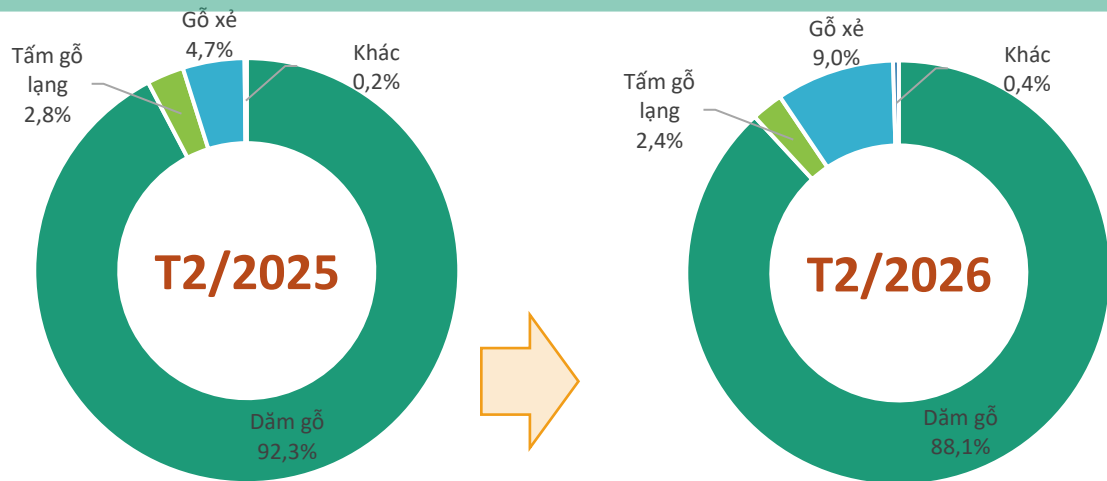
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T2/2026





GỠ VÀ SP GỠ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



Dăm gỗ

Kim ngạch: **139,3** triệu USD
Giảm **12%** so với T1/2026
Tăng **26%** so với T2/2025



Gỗ xẻ

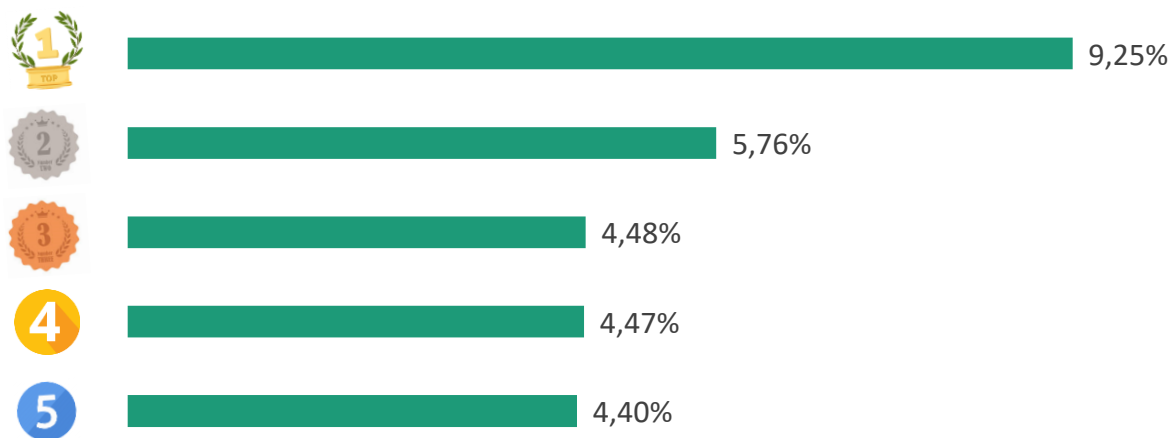
Kim ngạch: **14,2** triệu USD
Giảm **61%** so với T1/2026
Tăng **154%** so với T2/2025



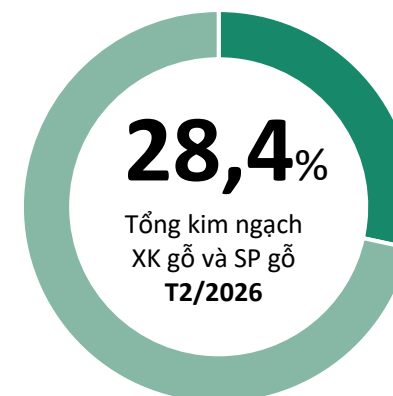
Tấm gỗ lạng

Kim ngạch: **3,8** triệu USD
Giảm **71%** so với T11/2025
Tăng **13%** so với T12/2024

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK thị trường Trung Quốc, T2/2026





GỖ VÀ SP GỖ



Tin liên quan

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ TRUNG QUỐC

Ngành ván ép Trung Quốc đang giảm về số lượng doanh nghiệp nhưng lại tăng về tổng công suất sản xuất, cho thấy một quá trình hợp nhất và hiện đại hóa đang diễn ra. Tính đến cuối năm 2025, cả nước có hơn 5.100 doanh nghiệp với tổng công suất đạt 246 triệu mét khối (tăng 11% so với cùng kỳ). Tuy nhiên, ngành vẫn đang đối mặt với tình trạng công suất sản xuất vượt quá nhu cầu, đòi hỏi phải có sự điều chỉnh về cơ cấu sản phẩm.

Về thương mại, ngành ván ép đang chịu áp lực từ các chính sách của Hoa Kỳ. Bộ Thương mại Hoa Kỳ đã đưa ra mức thuế sơ bộ lên tới 187% đối với sản phẩm ván ép gỗ cứng và ván ép trang trí của Trung Quốc. Hoa Kỳ cũng đang tiến hành rà soát các biện pháp chống bán phá giá đối với đồ nội thất phòng ngủ.

Chỉ số Gỗ Toàn cầu-Trung Quốc (GTI-China) trong tháng 2/2026 ghi nhận ở mức 31,1%, đánh dấu tháng thứ năm liên tiếp trong vùng thu hẹp.



SẢN VÀ SP TỪ SẢN

Khối lượng và giá trị sản và SP từ sản XK sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T02/2026

KIM NGẠCH

94,6 triệu USD

↘ Giảm **40,3%** so với T01/2026

↘ Giảm **25,6%** so với T02/2025

↓ Thấp hơn **3,26 triệu USD** so với bình quân năm 2025

❖ Lũy kế 02 tháng đầu năm 2026 đạt **253 triệu USD**, đạt **23,7%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

288,8 nghìn tấn

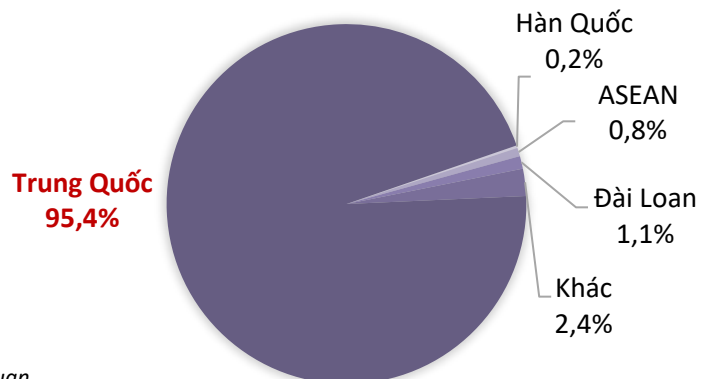
↘ Giảm **39,9%** so với T01/2026

↘ Giảm **29,8%** so với T02/2025

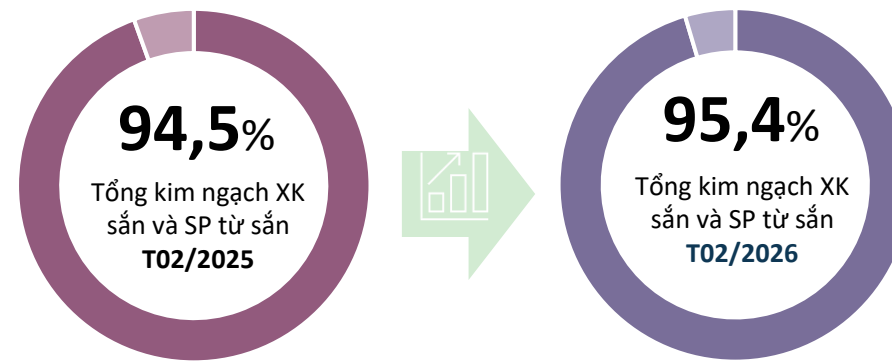
↓ Thấp hơn **24,3 nghìn tấn** so với bình quân năm 2025

❖ Lũy kế 02 tháng đầu năm 2026 đạt **769,7 nghìn tấn**, đạt **31,4%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



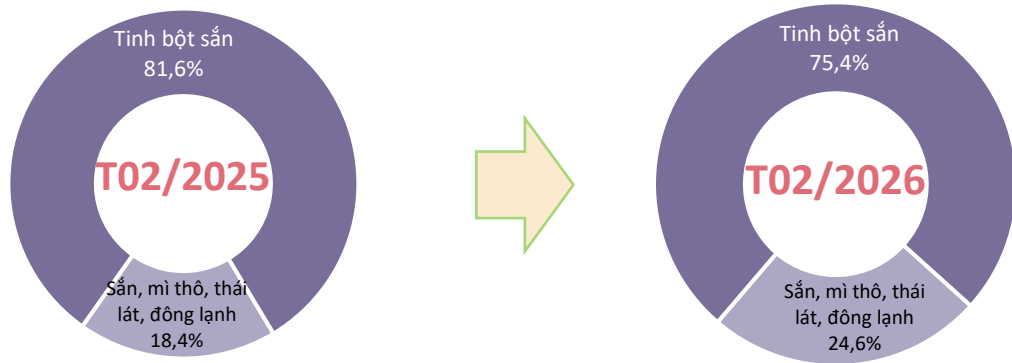
Biến động tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



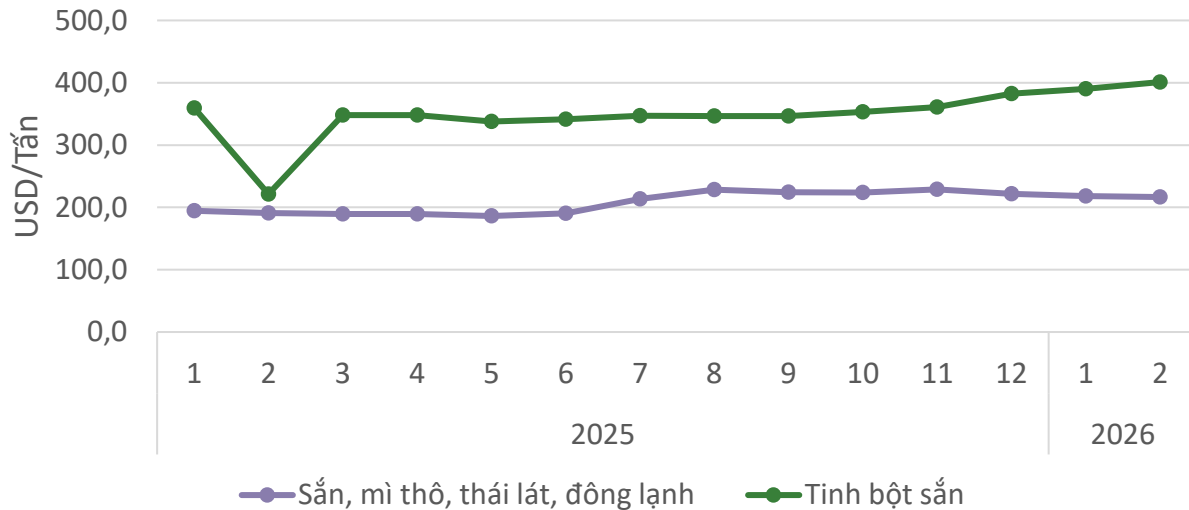


SẢN VÀ SP TỪ SẢN

Cơ cấu chủng loại sản và SP từ sản XK sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



Giá sản và SP từ sản XK bình quân sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



Sản thô, thái lát, đông lạnh

Kim ngạch: **23,3** triệu USD

Giảm **21,2%** so với T01/2026

Giảm **41,4%** so với T02/2025



Tinh bột sản

Kim ngạch: **71,3** triệu USD

Giảm **20,2%** so với T01/2026

Giảm **44,8%** so với T02/2025

Tinh bột sản

Giá xuất khẩu bình quân trong T02/2026 ở mức **401 USD/tấn**; **tăng 13,4%** so với tháng trước; và **tăng 81,2%** so với cùng kỳ năm 2025.

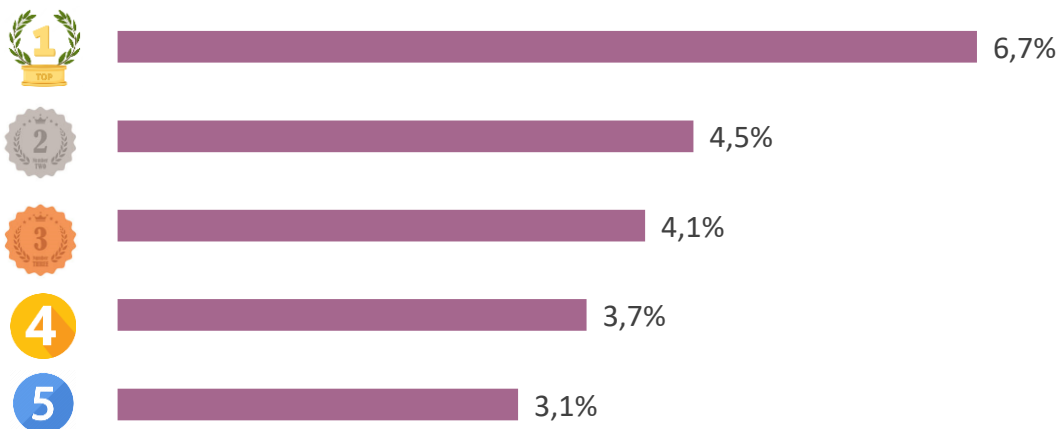
Sản thô, thái lát, đông lạnh

Giá xuất khẩu bình quân trong T02/2026 ở mức **216 USD/tấn**; **giảm 0,8%** so với tháng trước; và **tăng 2,8%** so với cùng kỳ năm 2025.

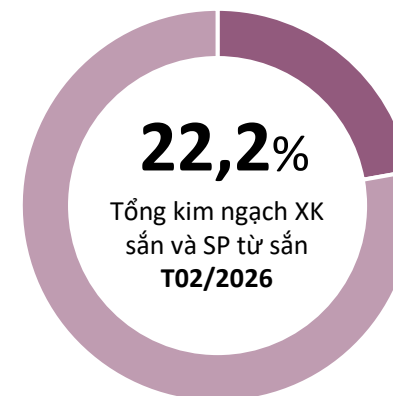


SẴN VÀ SP TỪ SẴN

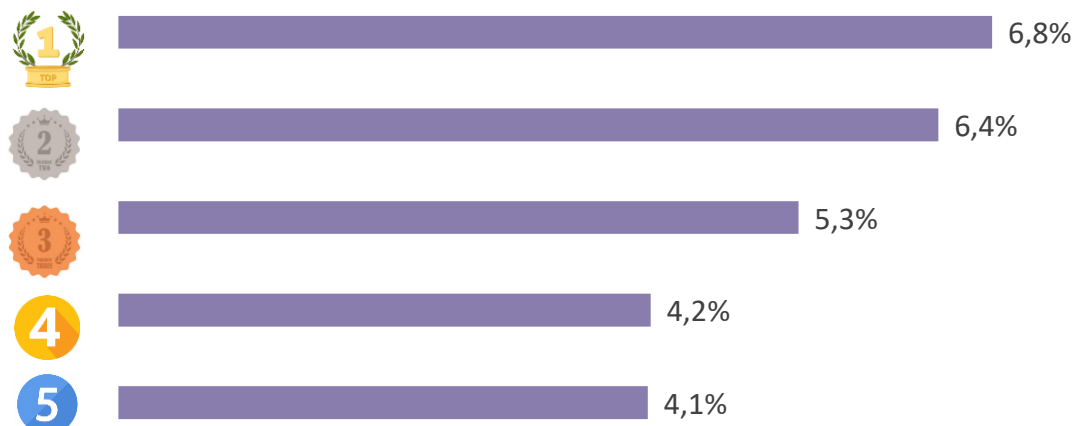
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



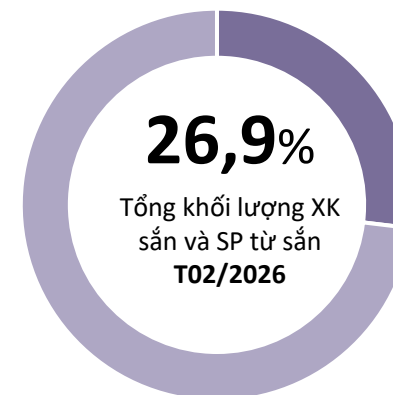
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



TOP 5 DN về khối lượng XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T02/2026





Nhập khẩu sắn lát của Trung Quốc giảm mạnh, nguồn cung chuyển dịch sang Việt Nam

Trong hai tháng đầu năm 2026, Trung Quốc nhập khẩu khoảng 347,2 nghìn tấn sắn lát với kim ngạch đạt 77,32 triệu USD, giảm lần lượt 29,07% về lượng và 18,88% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Nhập khẩu từ Thái Lan chỉ đạt 107,4 nghìn tấn (chiếm 30,94%), giảm mạnh 72,68%, trong khi nhập khẩu từ Việt Nam tăng mạnh lên 173,7 nghìn tấn (chiếm 50,05%), tương đương mức tăng 83,64%.

Đối với tinh bột sắn, Việt Nam là đối tác cung cấp lớn nhất với 490,3 nghìn tấn (chiếm 55,61%), tiếp theo là Thái Lan với 227,7 nghìn tấn (25,83%), Lào đạt 148,8 nghìn tấn (16,87%), Campuchia 13,5 nghìn tấn (1,53%) và Indonesia 0,7 nghìn tấn (0,08%).

Giá tinh bột sắn tại Trung Quốc tăng do chi phí nhập khẩu cao. Tuy nhiên, nhu cầu tiêu thụ vẫn thận trọng, thị trường đang trong trạng thái cân bằng giữa chi phí đầu vào cao và sức mua hạn chế, do đó giá dự kiến duy trì ổn định ở mức cao trong ngắn hạn.



SẢN VÀ SP TỪ SẢN

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG SẢN VÀ SP TỪ SẢN TRUNG QUỐC



Trung Quốc công bố trung tâm phân phối tinh bột sắn ASEAN tại cảng cạn quốc tế Trịnh Châu

Theo Tân Hoa Xã, ngày 28/3, Trung tâm phân phối tinh bột sắn ASEAN tại cảng cạn quốc tế Trịnh Châu (tỉnh Hà Nam, Trung Quốc) đã chính thức được đưa vào hoạt động. Ngay trong ngày ra mắt, một đoàn tàu chở 950 tấn tinh bột sắn từ ASEAN đã cập cảng cạn Trịnh Châu. Đoàn tàu này khởi hành từ ga Viên Chăn (Lào) vào ngày 23/3, nhập cảnh qua cửa khẩu Mò Hàn và mất 5 ngày để tới Trịnh Châu.

Trung tâm phân phối cảng cạn Trịnh Châu có tổng diện tích kho bãi lên tới 50.000 m², trong đó giai đoạn đầu đưa vào khai thác 20.000 m². Với nguồn hàng ổn định từ các chuyến tàu nhập khẩu ASEAN hàng tháng, sản lượng nhập kho hàng năm dự kiến đạt từ 100.000 đến 150.000 tấn.

Nguồn: qq.com



Ngành sắn Liễu Châu (Quảng Tây, Trung Quốc) nâng giá trị nhờ chế biến sâu

Ngành sắn Liễu Châu đang dịch chuyển mạnh sang chế biến sâu, đạt doanh thu hơn 5 tỷ NDT mỗi năm (700 triệu USD), chủ yếu nhờ phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng cao phục vụ thị trường đô thị. Hiện mỗi ngày có khoảng 25 tấn sắn được đưa vào chế biến thành các sản phẩm thực phẩm tiêu thụ tại các đô thị lớn (Bắc Kinh, Thượng Hải và Quảng Châu). Liễu Châu định hướng hoàn thiện chuỗi giá trị khép kín từ giống, sản xuất đến chế biến và xây dựng thương hiệu, xác định chế biến sâu sắn là ngành chủ lực, hướng tới mục tiêu nâng quy mô ngành chế biến nông sản lên mức hàng trăm tỷ NDT năm 2030.

Nguồn: gxnews.com.cn



TIN LIÊN QUAN



CAO SU

Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T02/2026

KIM NGẠCH

87,3 triệu USD

↘ Giảm **67,1%** so với T01/2026

↘ Giảm **43,1%** so với T02/2025

↓ Thấp hơn **117** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 02 tháng đầu năm 2026 đạt **352,3** triệu USD, đạt **14,4%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

47,2 nghìn tấn

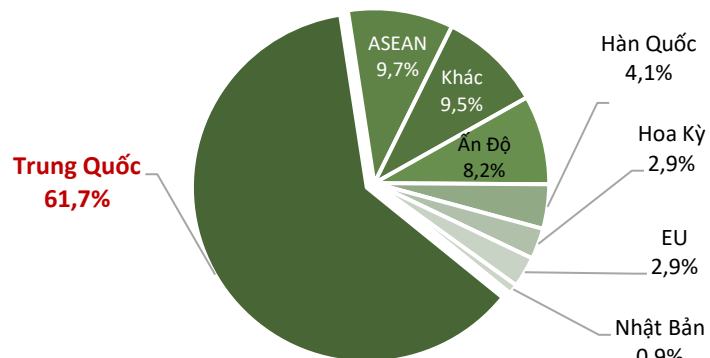
↘ Giảm **68,1%** so với T01/2026

↘ Giảm **40,1%** so với T02/2025

↓ Thấp hơn **71** nghìn tấn so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 02 tháng đầu năm 2026 đạt **195** nghìn tấn, đạt **13,8%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị cao su Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



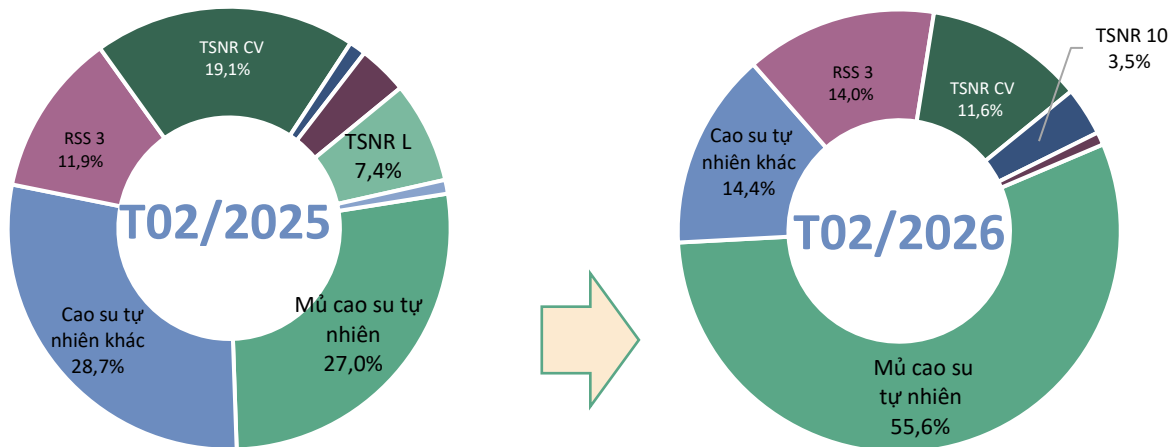
Biến động tỷ trọng giá trị cao su VN sang thị trường Trung Quốc, T02/2026





CAO SU

Cơ cấu chủng loại cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



Mủ cao su tự nhiên

Kim ngạch: **48,5** triệu USD
Giảm **75,7%** so với T01/2026
Tăng **17,3%** so với T02/2025



RSS 3

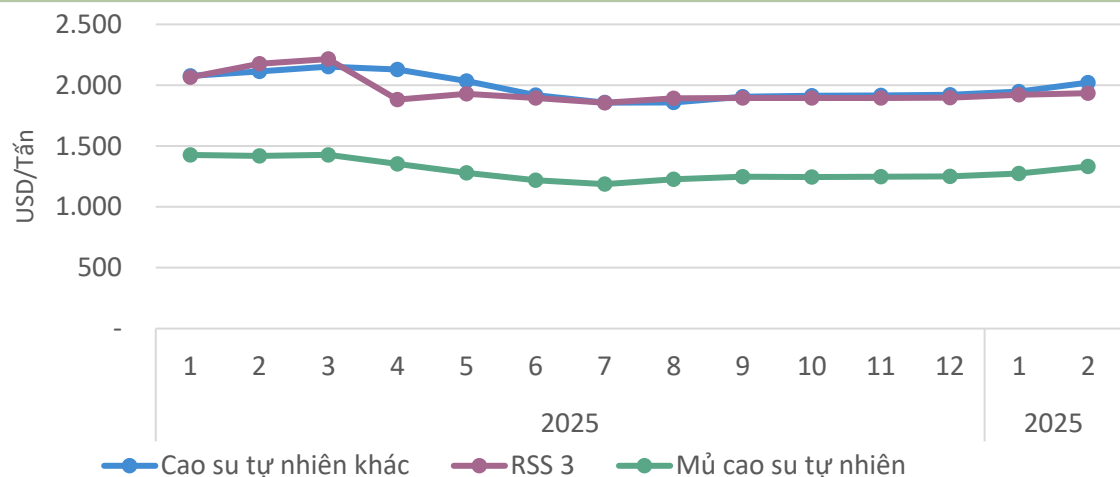
Kim ngạch: **12,2** triệu USD
Giảm **29,2%** so với T01/2026
Giảm **33,3%** so với T02/2025



Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **12,5** triệu USD
Giảm **39%** so với T01/2026
Giảm **72%** so với T02/2025

Giá cao su xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



Mủ cao su tự nhiên

Giá xuất khẩu bình quân trong T02/2026 ở mức **1.332** USD/tấn; **tăng 4,5%** so với tháng trước; và **giảm 6,2%** so với cùng kỳ năm 2025.

RSS 3

Giá xuất khẩu bình quân trong T02/2026 ở mức **1.922** USD/tấn; **tăng 0,7%** so với tháng trước; và **giảm 11,0%** so với cùng kỳ năm 2025.

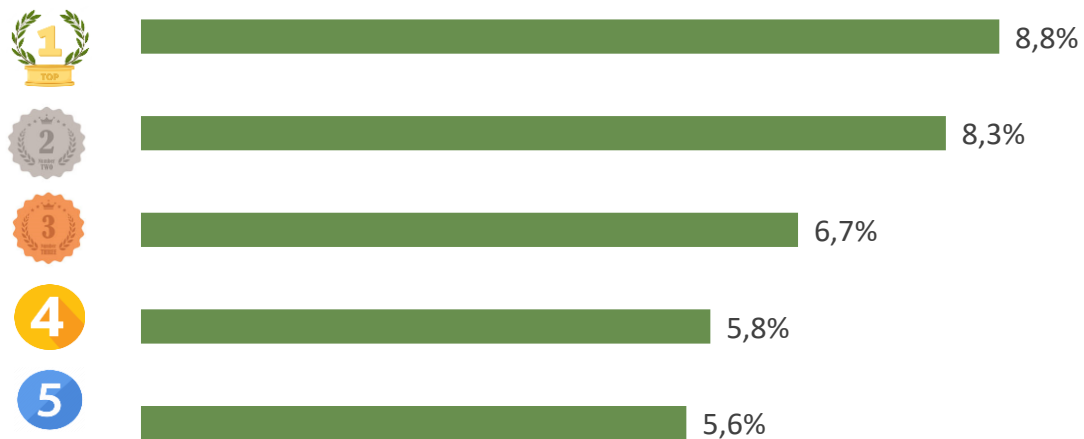
Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T02/2026 ở mức **1.947** USD/tấn; **tăng 3,8%** so với tháng trước; và **giảm 4,4%** so với cùng kỳ năm 2025.

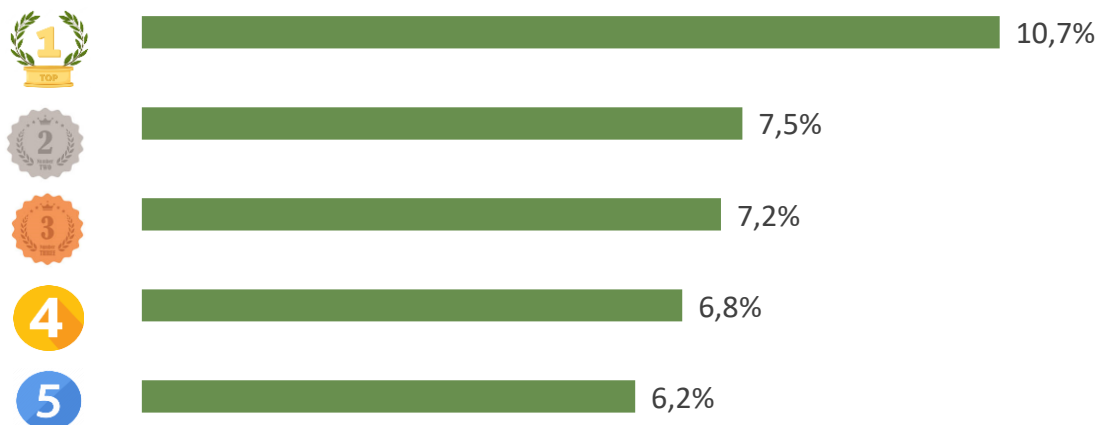


CAO SU

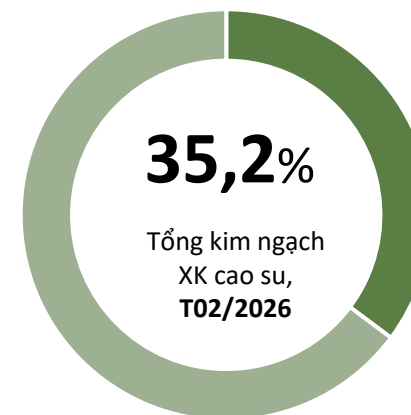
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



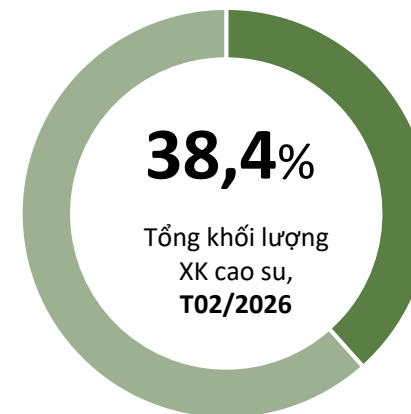
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T02/2026





❖ Trung Quốc giảm nhập khẩu cao su trong 2 tháng đầu năm 2026

Hai tháng đầu năm 2026, Trung Quốc nhập khẩu khoảng 1,44 triệu tấn cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (các mã HS 4001, 4002, 4003 và 4005), với tổng kim ngạch đạt 2,54 tỷ USD, giảm 1,5% về khối lượng và giảm 11% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

Trung Quốc giảm nhập khẩu từ Việt Nam và Malaysia, trong khi tăng mua từ Thái Lan, Nga và Bờ Biển Ngà. Trong đó, Thái Lan tiếp tục giữ vị trí là nguồn cung lớn nhất, chiếm khoảng 32,7% tổng giá trị nhập khẩu cao su của Trung Quốc. Việt Nam đứng thứ hai với tỷ trọng khoảng 18,9%.

Kim ngạch xuất khẩu cao su của Việt Nam sang Trung Quốc có xu hướng giảm trong những năm gần đây, cho thấy Trung Quốc đang đẩy mạnh chiến lược đa dạng hóa nguồn cung nguyên liệu.

Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương)





ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CAO SU TRUNG QUỐC

❖ Sản lượng cao su tự nhiên của Trung Quốc năm 2025 đạt 973.000 tấn

Sản lượng cao su tự nhiên Trung Quốc năm 2025 đạt 973.000 tấn, lập mức cao kỷ lục mới. Đây là kết quả của việc triển khai các chính sách hỗ trợ như bảo hiểm tổng hợp đối với cao su tự nhiên, nâng cao năng lực sản xuất và hỗ trợ giống, kỹ thuật, qua đó giúp duy trì ổn định năng lực sản xuất trong nước.

Bên cạnh đó, hợp tác quốc tế trong ngành cao su tiếp tục được mở rộng, với sự lớn mạnh của các doanh nghiệp đầu ngành như Quảng Khẩn Cao su, Hải Nam Cao su và Vân Nam Cao su. Năm 2025, Trung Quốc nhập khẩu 6,492 triệu tấn cao su tự nhiên, chiếm khoảng một nửa tổng lượng nhập khẩu toàn cầu và đạt mức cao kỷ lục, qua đó bảo đảm nguồn nguyên liệu cho sản xuất trong nước.

Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Trung Quốc

❖ Doanh nghiệp lốp xe lớn của Trung Quốc đầu tư vào Việt Nam

Ngày 01/4, Công ty Trung Sách Cao su (mã cổ phiếu SH603049) công bố kế hoạch đầu tư 1,041 tỷ Nhân dân tệ để xây dựng dự án “Nhà máy sản xuất lốp xe Trung Sách tại Việt Nam (giai đoạn I)”. Dự án do công ty con Haichao Trading (100% vốn sở hữu) thành lập pháp nhân tại Việt Nam để triển khai, với công suất thiết kế 5 triệu lốp bán thép mỗi năm sau khi đi vào hoạt động.

Nhà máy đặt tại TP. Hồ Chí Minh, dự kiến khởi công từ ngày 01/7/2026 và hoàn thành sau khoảng 12 tháng xây dựng. Theo kế hoạch, dự án hướng tới tỷ suất sinh lời 17,51%, tập trung phục vụ các thị trường trọng điểm như các nước thành viên CPTPP và châu Âu.

Nguồn: xueqiu.com





LÚA GẠO

Khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T2/2026

KIM NGẠCH

31,3 triệu USD



Giảm **44,9%** so với T1/2026

Tăng **19,9%** so với T2/2025

Cao hơn **0,14 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 2 tháng đầu năm 2026 đạt **88,1** triệu USD, đạt **15,2%** kim ngạch 2025

KHỐI LƯỢNG

60,0 nghìn tấn



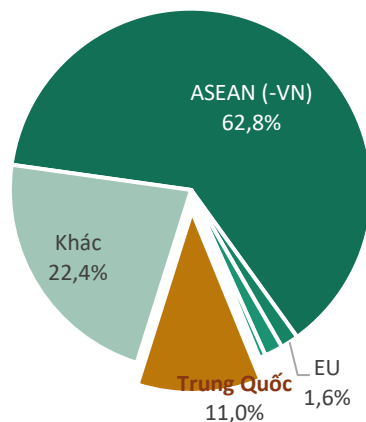
Giảm **49,3%** so với T1/2026

Tăng **9,1%** so với T2/2025

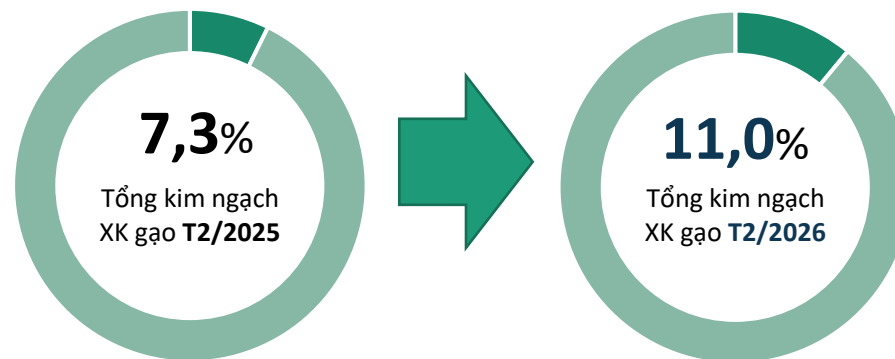
Cao hơn **2,3 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2025

Lũy kế 2 tháng đầu năm 2026 đạt **178,2** nghìn tấn, đạt **15,8%** lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



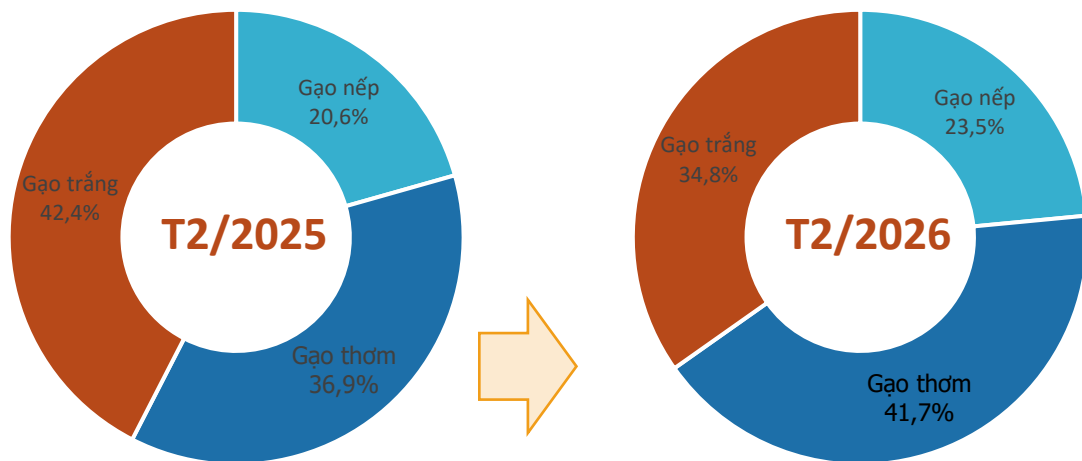
Biến động tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T2/2026





LÚA GẠO

Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



Gạo nếp

Kim ngạch: **7,2** triệu USD
Giảm **56%** với T1/2026
Tăng **34%** so với T2/2025



Gạo thơm

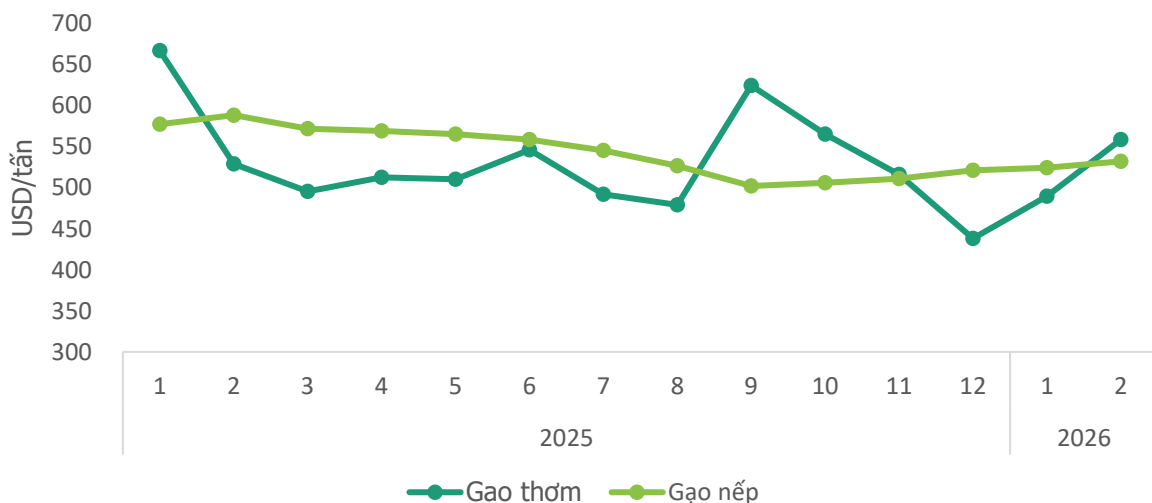
Kim ngạch: **12,8** triệu USD
Giảm **35%** so với T1/2026
Tăng **33%** so với T2/2025



Gạo trắng

Kim ngạch: **10,7** triệu USD
Giảm **19%** so với T1/2026
Giảm **4%** so với T2/2025

Giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



Gạo nếp

Giá xuất khẩu bình quân trong T2/2026 ở mức **532** USD/tấn; **tăng 1%** so với tháng trước; và **giảm 10%** so với cùng kỳ năm 2025.

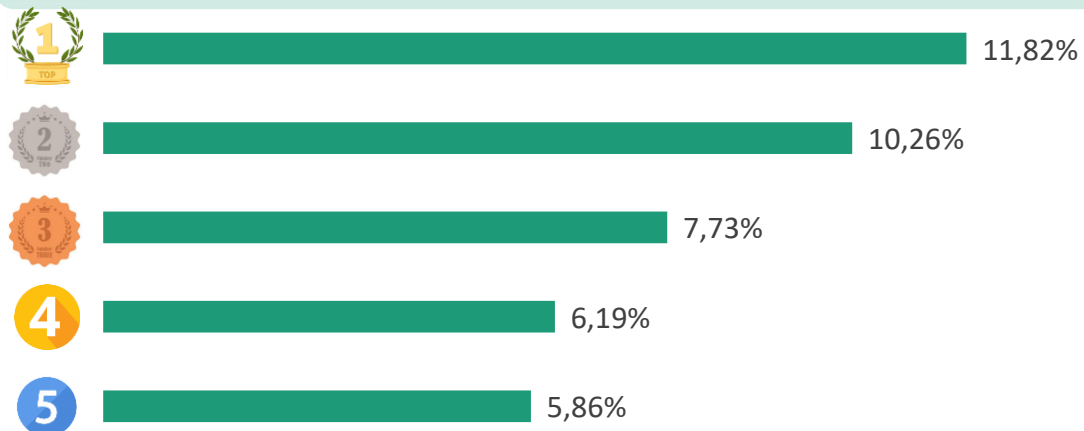
Gạo thơm

Giá xuất khẩu bình quân trong T2/2026 ở mức **559** USD/tấn; **tăng 14%** so với tháng trước và **tăng 6%** so với cùng kỳ năm 2025.

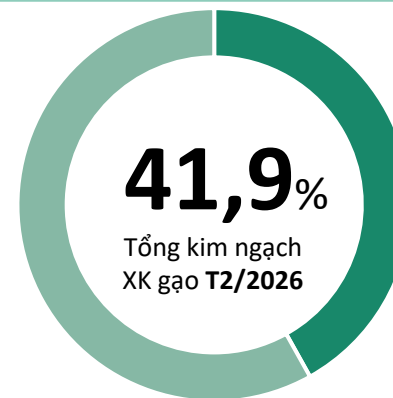


LÚA GẠO

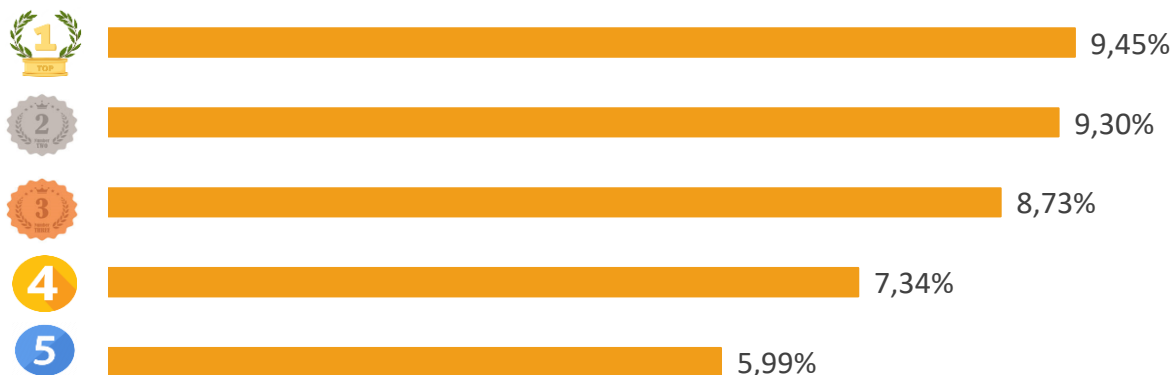
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



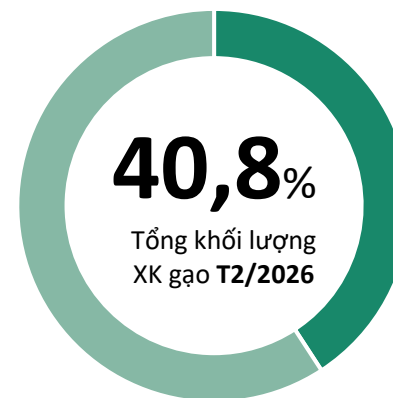
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T2/2026





LÚA GẠO

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO TRUNG QUỐC



Theo Reuters, Trung Quốc đặt mục tiêu nâng năng lực sản xuất ngũ cốc lên 725 triệu tấn trong giai đoạn 2026–2030. Đáng chú ý, thay vì tiếp tục mở rộng diện tích canh tác, Bắc Kinh chuyển trọng tâm sang nâng năng suất trên một đơn vị diện tích thông qua đổi mới giống, bảo vệ đất, cơ giới hóa và ứng dụng công nghệ sinh học.

Các báo cáo cũng nhấn mạnh việc duy trì ổn định sản xuất lúa gạo và lúa mì, đồng thời đa dạng hóa nguồn cung nông sản nhập khẩu để giảm phụ thuộc bên ngoài. Định hướng này cho thấy Trung Quốc tiếp tục ưu tiên an ninh lương thực, củng cố nguồn cung nội địa và có thể duy trì cách tiếp cận thận trọng hơn đối với nhập khẩu trong trung hạn.

Nguồn: reuters.com



TIN LIÊN QUAN



CÀ PHÊ

Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



Kết quả xuất khẩu cà phê VN sang thị trường Trung Quốc, T2/2026

KIM NGẠCH

13,8 triệu USD

↘ Giảm **72,6%** so với T1/2026

↘ Giảm **24,1%** so với T2/2025

↘ Thấp hơn **9,8 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Giá trị xuất khẩu 2 tháng năm 2026 đạt **64,1** tr.USD, đạt **22,7%** kim ngạch 2025.

KHỐI LƯỢNG

2,7 nghìn tấn

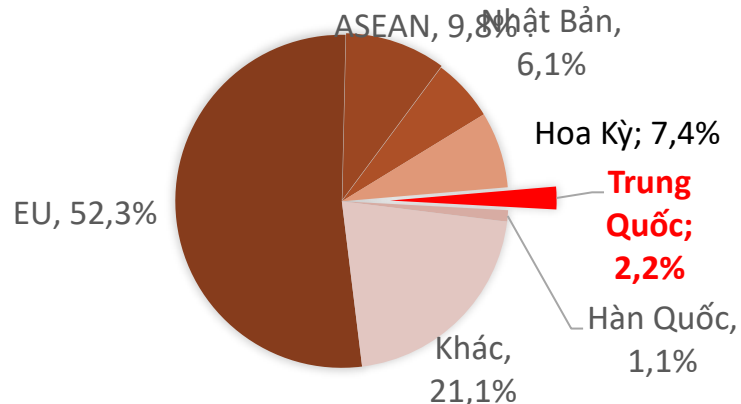
↘ Giảm **69,2%** so với T1/2026

↘ Giảm **36,3%** so với T2/2025

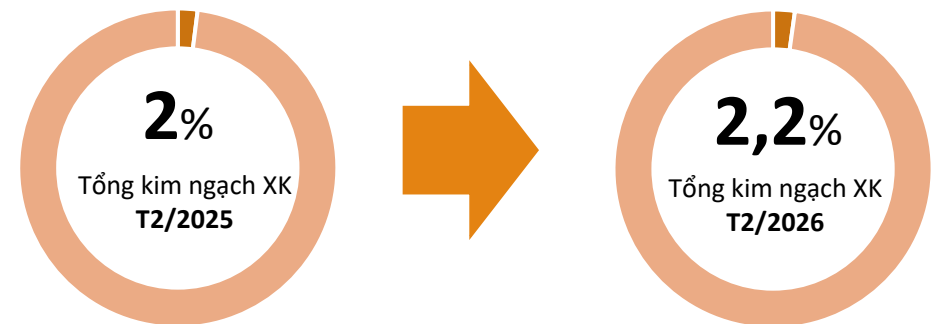
↘ Thấp hơn **1,9 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025.

❖ Khối lượng xuất khẩu 2 tháng năm 2026 đạt **11,5** nghìn tấn, đạt **20,9%** lượng năm 2025.

Tỷ trọng giá trị cà phê Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



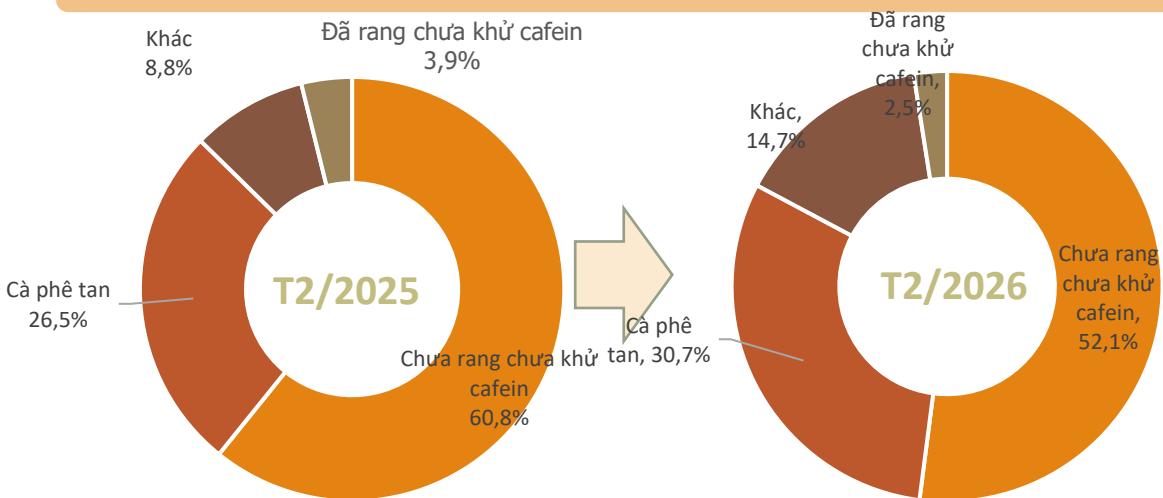
Biến động tỷ trọng giá trị cà phê VN sang thị trường Trung Quốc, T2/2026





CÀ PHÊ

Cơ cấu chủng loại cà phê XK sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



Chưa rang chưa khử caffein

Kim ngạch: **7,2** Triệu USD
Giảm **78,4%** so với T1/2026
Giảm **35,1%** so với T2/2025

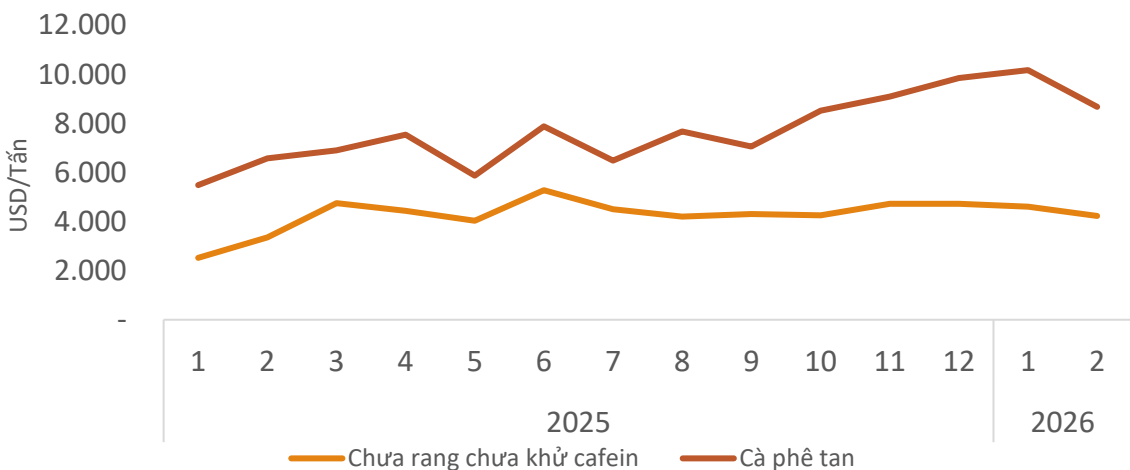
Cà phê tan

Kim ngạch: **4,2** Triệu USD
Giảm **25,6%** so với T1/2026
Giảm **12,1%** so với T2/2025

Đã rang chưa khử caffein

Kim ngạch: **0,3** Triệu USD
Giảm **20,4%** so với T1/2026
Giảm **51,1%** so với T2/2025

Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T2/2026 ở mức **8.674** USD/tấn, **giảm 14,7%** so với tháng trước, và **tăng 32%** so với cùng kỳ năm 2025.

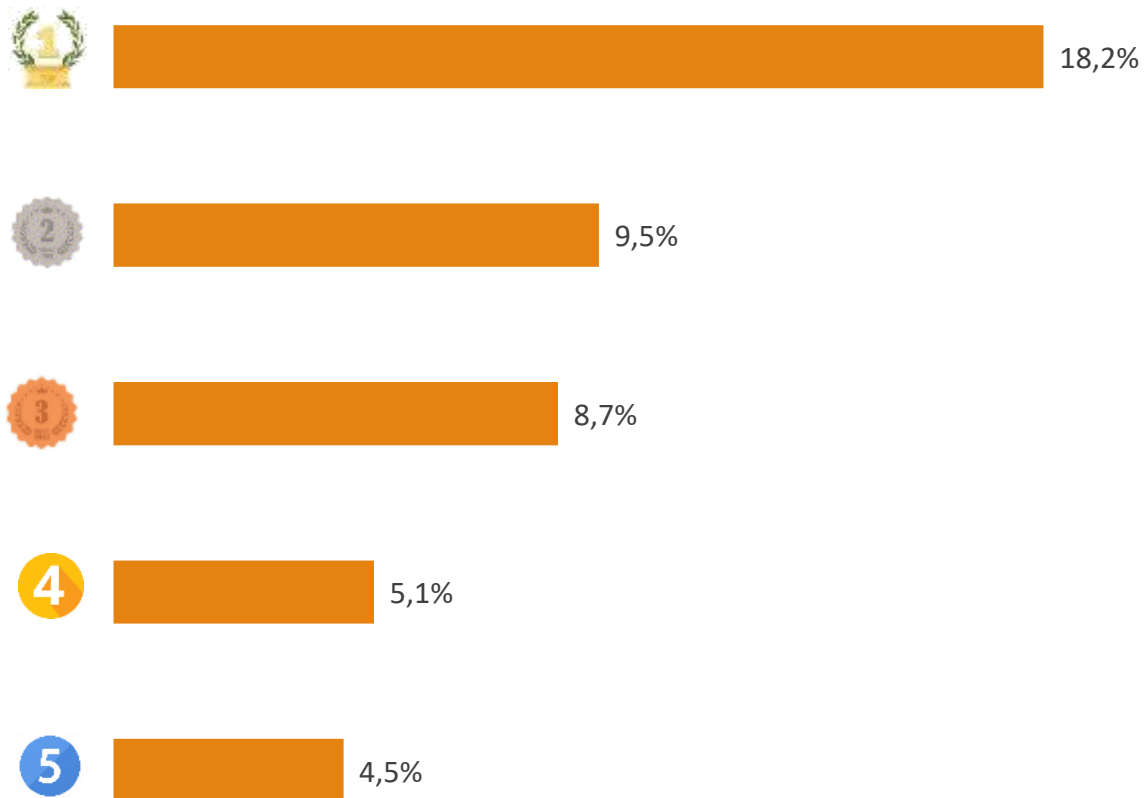
Cà phê chưa rang chưa khử caffein

Giá xuất khẩu bình quân trong T2/2026 ở mức **4.230** USD/tấn, **giảm 8,1%** so với tháng trước; và **tăng 26%** so với cùng kỳ năm 2025.

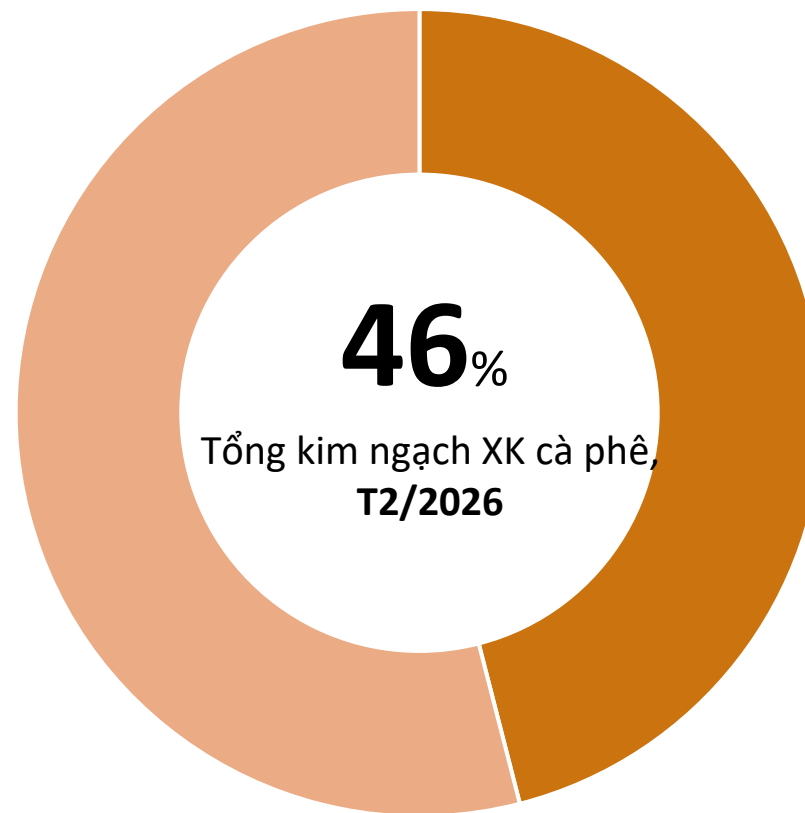


CÀ PHÊ

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc, T2/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc, T2/2026





CÀ PHÊ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRUNG QUỐC



Thị trường cà phê Trung Quốc đang bước vào giai đoạn tăng trưởng mạnh với xu hướng hợp nhất và cao cấp hóa, trong đó các chuỗi nội địa giữ vai trò dẫn dắt. Năm 2025, Luckin Coffee ghi nhận kết quả kinh doanh ấn tượng với doanh thu đạt khoảng 7,16 tỷ USD (tăng 43%) và lợi nhuận hoạt động đạt khoảng 0,82 tỷ USD.

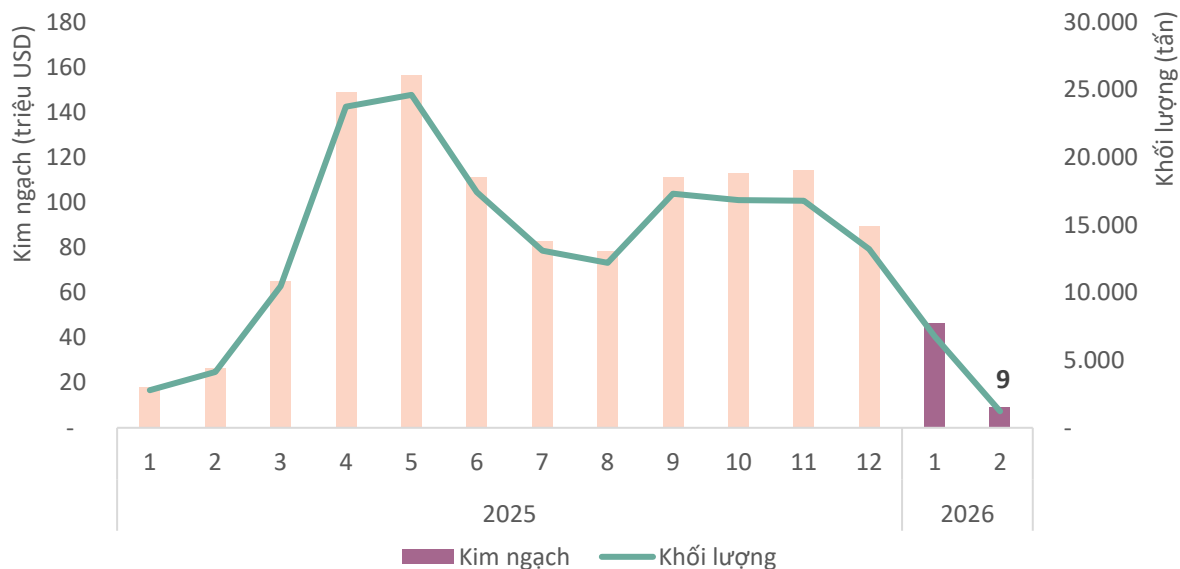
Doanh nghiệp mở rộng nhanh quy mô với tổng cộng hơn 31.000 cửa hàng trên toàn cầu, tăng thêm 8.708 điểm bán trong năm, đồng thời ghi nhận sự phục hồi của doanh số cùng cửa hàng. Tuy nhiên, áp lực chi phí gia tăng, đặc biệt từ phí giao hàng và vận hành, khiến lợi nhuận quý IV giảm xuống còn khoảng 75 triệu USD, phản ánh cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường.





HẠT ĐIỀU

Khối lượng và giá trị hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



Kết quả xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc, T02/2026

KIM NGẠCH

8,89 triệu USD

↘ Giảm **80,8%** so với T01/2026

↘ Giảm **66,5%** so với T02/2025

↓ Thấp hơn **84 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 02 tháng đầu năm 2026 đạt **55,1 tỷ USD**, đạt **4,9%** kim ngạch năm 2025

KHỐI LƯỢNG

1,22 nghìn tấn

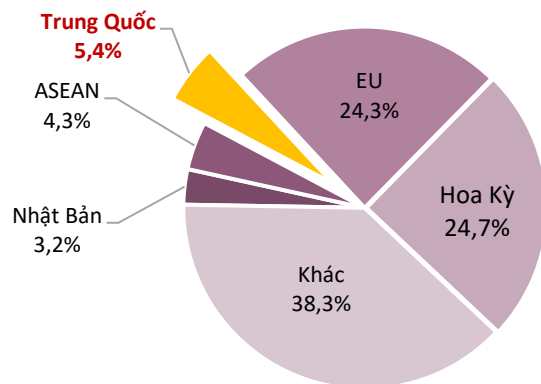
↘ Giảm **81,9%** so với T01/2026

↘ Giảm **70,5%** so với T02/2025

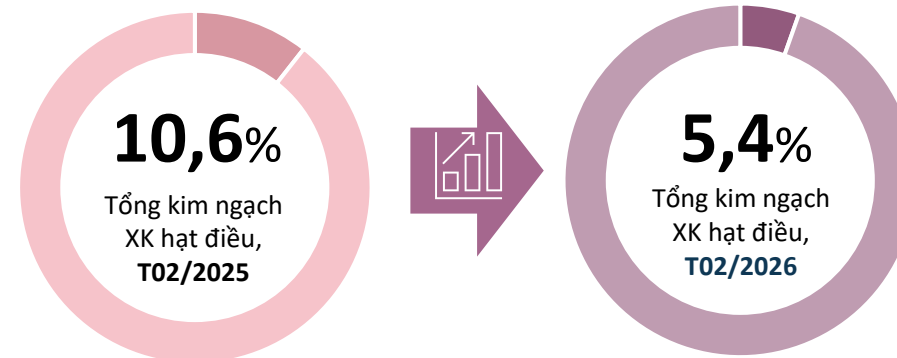
↓ Thấp hơn **13,2 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2025

❖ Lũy kế 02 tháng đầu năm 2026 đạt **8,0 nghìn tấn**, đạt **4,6%** khối lượng năm 2025

Tỷ trọng giá trị hạt điều của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



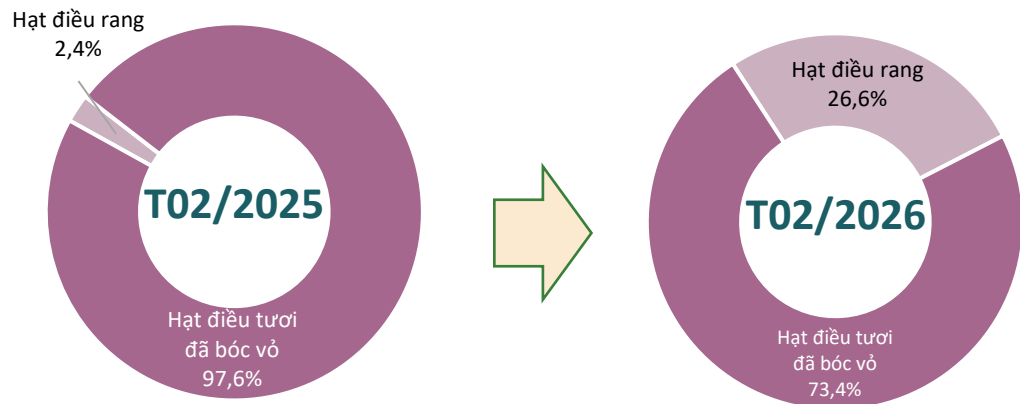
Biến động tỷ trọng giá trị hạt điều của VN sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



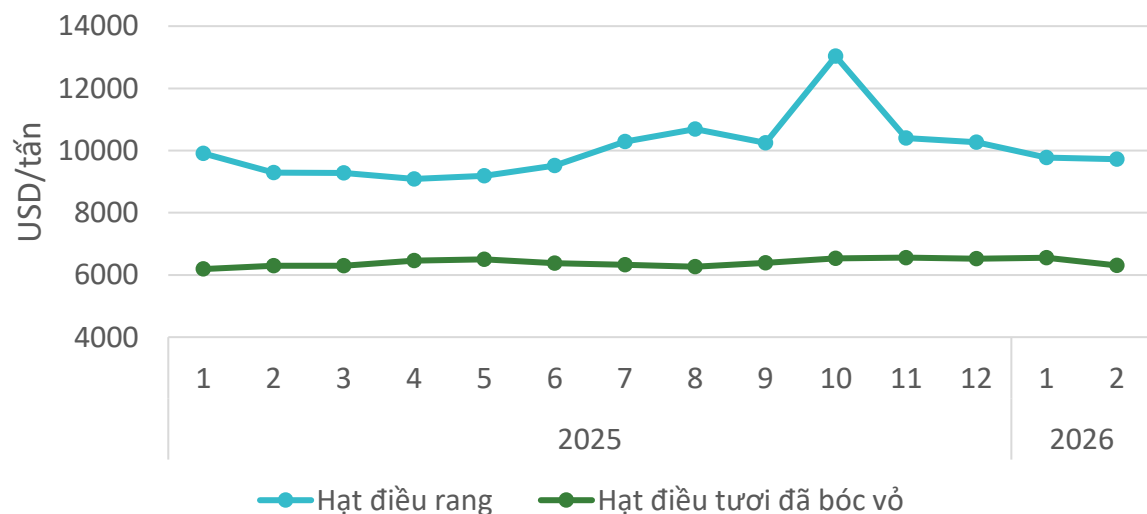


HẠT ĐIỀU

Cơ cấu chủng loại hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



Giá hạt điều xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



Kết quả xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



Hạt điều tươi đã bóc vỏ

Kim ngạch: **6,52** triệu USD

Giảm **83,4%** so với T01/2026

Giảm **75,0%** so với T02/2025



Hạt điều rang

Kim ngạch: **2,37** triệu USD

Giảm **18,0%** so với T01/2026

Tăng **264%** so với T02/2025

Hạt điều tươi đã bóc vỏ

Giá xuất khẩu bình quân trong T02/2026 ở mức **6.304** USD/tấn; **giảm 3,9%** so với tháng trước; và **tăng 0,2%** so với cùng kỳ năm 2025.

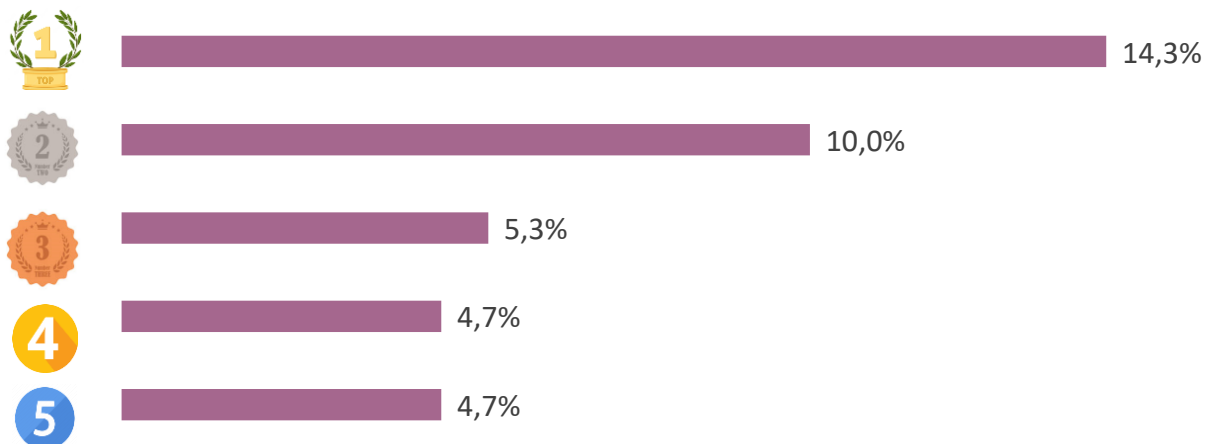
Hạt điều rang

Giá xuất khẩu bình quân trong T02/2026 ở mức **9.722** USD/tấn; **giảm 0,5%** so với tháng trước; và **tăng 4,6%** so với cùng kỳ năm 2025.

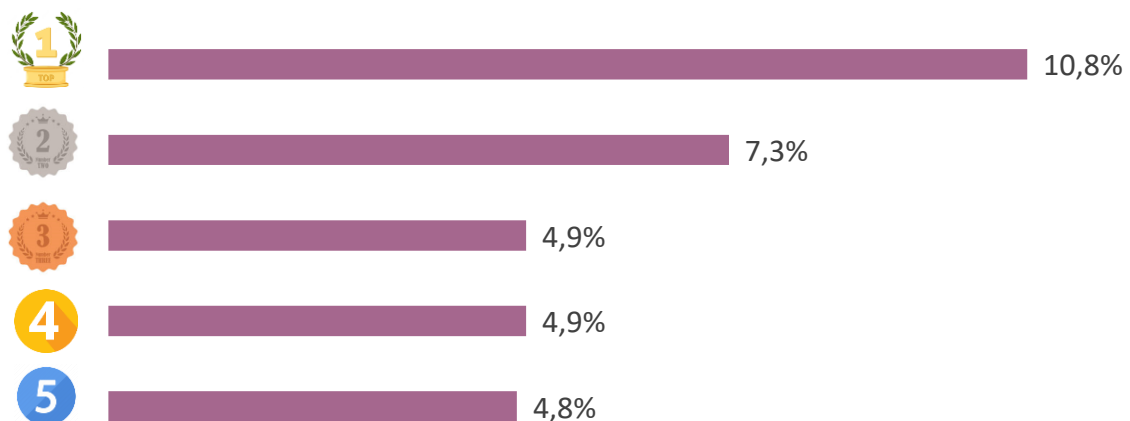


HẠT ĐIỀU

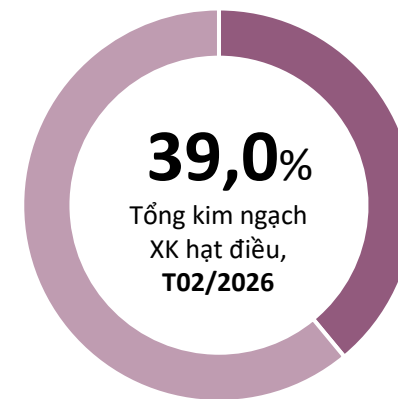
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



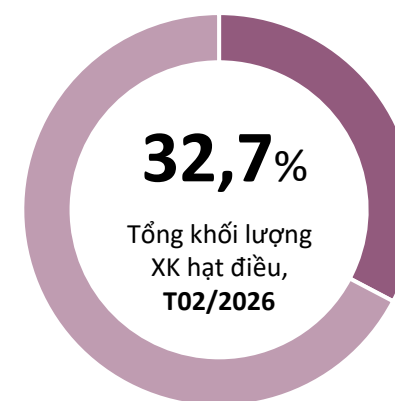
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T02/2026



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T02/2026





Ngành điều Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu sang Trung Quốc

Trong bối cảnh thị trường Trung Đông gặp khó khăn do bất ổn địa chính trị, ngành điều Việt Nam đang chủ động chuyển hướng sang các thị trường trọng điểm, trong đó có Trung Quốc. Trong hai tháng đầu năm 2026, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang Trung Quốc đạt khoảng 8.000 tấn, tương đương hơn 55 triệu USD, tăng 15,2% về lượng và 23,7% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu hạt điều sang Trung Quốc tăng mạnh, riêng tháng 01/2026 tăng gấp 2,6 lần, cho thấy nhu cầu tiêu thụ đang phục hồi rõ rệt nhờ xu hướng tiêu dùng thực phẩm dinh dưỡng và sự mở rộng của hệ thống bán lẻ. Song song, doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh chế biến sâu để nâng giá trị gia tăng, đưa Trung Quốc trở thành thị trường trọng điểm trong chiến lược tăng trưởng dài hạn.

Tuy nhiên, để khai thác hiệu quả thị trường này, doanh nghiệp cần tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn thị trường và đẩy mạnh xây dựng thương hiệu.

Nguồn: baodanang.vn





ISPAE

AGREINFOS

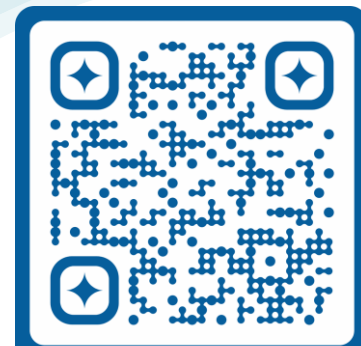
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, P.Tây Hồ, Hà Nội*

Email: thongtinhitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo